

BỘ XÂY DỰNG
TỔNG CÔNG TY VIGLACERA – CTCP

(Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100108173 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 01/10/2010, thay đổi lần thứ 8 vào ngày 26/02/2018)

BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN
VỀ VIỆC CHUYỂN NHƯỢNG VỐN CỔ PHẦN CỦA BỘ XÂY DỰNG
ĐẦU TƯ TẠI TỔNG CÔNG TY VIGLACERA - CTCP



Bản công bố thông tin này và tài liệu bổ sung sẽ được cung cấp tại:

TỔNG CÔNG TY VIGLACERA - CTCP

Địa chỉ: Tầng 16 & 17, Tòa nhà Viglacera, Số 1 Đại lộ Thăng Long, phường Mỹ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

Điện thoại: (024) 3553 6660 **Fax:** (024) 3553 6671

Website: www.viglacera.com.vn

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN MB

Trụ sở chính: Tầng M-3-7, Số 3 Liễu Giai, phường Liễu Giai, quận Ba Đình, Hà Nội

Số Điện thoại: (84.24) 3726 2600

Fax: (84.24) 3726 2601

Website: www.mbs.com.vn



TỔNG CÔNG TY VIGLACERA - CTCP

(Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100108173 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 01/10/2010, thay đổi lần thứ 8 vào ngày 26/02/2018)

Căn cứ Văn bản 389/BXD-QLDN ngày 01/03/2019 của Bộ Xây dựng về việc phê duyệt phương án thoái phần vốn nhà nước (giai đoạn 1) tại Công ty mẹ - Tổng công ty Viglacera - CTCP:

Tên cổ phiếu:	Cổ phiếu Tổng công ty Viglacera - CTCP
Mệnh giá:	10.000 đồng/cổ phần.
Tổng số lượng cổ phần thoái vốn:	80.579.262 cổ phần (tương đương 17,97% vốn điều lệ)
Tổng giá trị thoái vốn theo mệnh giá:	805.792.620.000 đồng
Phương thức thoái vốn:	Thực hiện bán đấu giá công khai thông thường trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội
Giá khởi điểm:	Không thấp hơn 23.000 đồng/cổ phần và bình quân giá tham chiếu 30 phiên liên tiếp trước ngày công bố thông tin đấu giá.
Giá thanh toán	Trường hợp trong ngày mở cuộc đấu giá công khai mà giá giao dịch cổ phiếu của Tổng Công ty tính theo giá sàn cao hơn giá trúng đấu giá của nhà đầu tư thì nhà đầu tư phải thanh toán tiền mua cổ phần theo giá sàn của ngày mở cuộc đấu giá công khai; Trường hợp trong ngày mở cuộc đấu giá công khai mà giá giao dịch tính theo giá sàn cổ phiếu của Tổng Công ty thấp hơn giá trúng đấu giá của nhà đầu tư thì nhà đầu tư phải thanh toán tiền mua cổ phần theo giá trúng đấu giá.
Thời gian thực hiện:	6 tháng đầu năm 2019

MỤC LỤC

I. TỔ CHỨC CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN.....	5
1. Tổ chức là chủ sở hữu vốn chuyển nhượng:.....	5
2. Tổ chức có cổ phiếu được chuyển nhượng:.....	5
3. Tổ chức tư vấn:	5
II. CÁC KHÁI NIỆM.....	6
III. GIỚI THIỆU VỀ TỔ CHỨC LÀ CHỦ SỞ HỮU VỐN CHUYỂN NHƯỢNG .7	
1. Giới thiệu chung:	7
2. Mối quan hệ với công ty cổ phần có vốn đầu tư cần chuyển nhượng.....	7
3. Số cổ phần sở hữu:.....	7
IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA CÔNG TY CÓ VỐN NHÀ NƯỚC CHUYỂN NHƯỢNG.....	8
1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển.	8
2. Cơ cấu tổ chức công ty	12
3. Tình hình hoạt động kinh doanh.....	19
4. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong 03 năm gần nhất và lũy kế đến quý gần nhất	40
5. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu.....	41
6. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức năm tiếp theo	42
7. Danh sách đất đai Tổng Công ty Viglacera - CTCP đang quản lý và sử dụng	46
8. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức có cổ phiếu được thoái vốn:	73
9. Các thông tin - các tranh chấp kiện tụng liên quan tới công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá cả cổ phiếu thoái vốn:	73
V. THÔNG TIN VỀ VIỆC TỔ CHỨC THỰC HIỆN CHUYỂN NHƯỢNG VỐN74	
1. Tên cổ phiếu:	74
2. Loại cổ phần:	74
3. Mệnh giá:	74
4. Tổng số cổ phần dự kiến chuyển nhượng:.....	74
5. Giá khởi điểm đấu giá:.....	74
6. Phương pháp tính giá:.....	74
7. Phương thức chuyển nhượng vốn:.....	74
8. Tổ chức đấu giá:	74
9. Thời gian thực hiện chuyển nhượng vốn:.....	74
10. Thời gian đăng ký mua cổ phần dự kiến:	74
11. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài:	74
12. Giá thanh toán tiền mua cổ phần	75
13. Các hạn chế liên quan đến việc chuyển nhượng vốn:	75
14. Các loại thuế có liên quan:	75

15. Các thông tin khác theo quy định của pháp luật phải công khai khi thực hiện chuyển nhượng vốn:.....	76
VI. MỤC ĐÍCH CHUYỂN NHƯỢNG VỐN	76
VII. CÁC TỔ CHỨC CÓ LIÊN QUAN ĐẾN CHUYỂN NHƯỢNG VỐN	77
VIII. BÁO CÁO CỦA CHỦ SỞ HỮU VỐN CHUYỂN NHƯỢNG VỀ NỘI DUNG THÔNG TIN TRONG BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN CÓ LIÊN QUAN ĐẾN CHỦ SỞ HỮU VỐN CHUYỂN NHƯỢNG.....	78

NỘI DUNG BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN

I. TỔ CHỨC CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN

1. Tổ chức là chủ sở hữu vốn chuyên nhượng:

BỘ XÂY DỰNG

Trụ sở: Số 37 Lê Đại Hành, phường Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

Điện thoại: (84.24) 39760271 Fax: (84.24) 39762153

Website: www.xaydung.gov.vn

Người đại diện theo Ủy quyền: Ông Nguyễn Anh Tuấn – Tổng Giám đốc Tổng công ty Viglacera - CTCP

Chức vụ: Tổ trưởng Tổ người đại diện vốn nhà nước

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản công bố thông tin này là chính xác, trung thực và cam kết chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của những thông tin và số liệu này.

2. Tổ chức có cổ phiếu được chuyên nhượng:

TỔNG CÔNG TY VIGLACERA – CTCP

Địa chỉ: Tầng 16 & 17, Tòa nhà Viglacera, Số 1 Đại lộ Thăng Long, phường Mỹ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

Điện thoại: (84.24) 3553 6660 Fax: (84.24) 3553 6671

Website: www.viglacera.com.vn

Người đại diện: Ông Nguyễn Anh Tuấn

Chức vụ: Tổng Giám đốc Tổng Công ty

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản công bố thông tin này là chính xác, trung thực và cam kết chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của những thông tin và số liệu này.

3. Tổ chức tư vấn:

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN MB

Trụ sở chính: Tầng M-3-7, Số 3 Liễu Giai, phường Liễu Giai, quận Ba Đình, Hà Nội

Số Điện thoại: (84.24) 3726 2600 Fax: (84.24) 3726 2601

Website: www.mbs.com.vn

Người đại diện: Ông Phạm Xuân Anh

Chức vụ: Giám đốc Khối Dịch vụ Ngân hàng đầu tư

Giấy Ủy quyền số 09/2018/MBS-UQ ngày 20/01/2018 của Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán MB

Bản công bố thông tin này là một phần của hồ sơ thoái vốn do Công ty cổ phần Chứng khoán MB tham gia lập trên cơ sở Hợp đồng tư vấn với Tổng Công ty Viglacera - CTCP. Chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trên Bản Công bố thông tin này đã được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Tổng Công ty Viglacera – CTCP cung cấp.

II. CÁC KHÁI NIỆM

Trong Bản công bố thông tin này, những từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

BCTC	: Báo cáo tài chính
BKS	: Ban kiểm soát
BTC	: Bộ Tài chính
BXD	: Bộ Xây dựng
CBCNV	: Cán bộ công nhân viên
CP	: Cổ phần
CTCP	: Công ty cổ phần
Viglacera	: Tổng công ty Viglacera - CTCP
ĐHĐCĐ	: Đại hội đồng cổ đông
VGC	: Tổng công ty Viglacera - CTCP
DTT	: Doanh thu thuần
HĐQT/ TV. HĐQT	: Hội đồng quản trị/Thành viên Hội đồng quản trị
HNX	: Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội
LN	: Lợi nhuận
LNTT	: Lợi nhuận trước thuế
SGDCK	: Sở Giao dịch Chứng khoán
SXKD	: Sản xuất kinh doanh
TGD	: Tổng Giám đốc
Thuế TNDN	: Thuế thu nhập doanh nghiệp
TMCP	: Thương mại cổ phần
TNDN	: (thuế) Thu nhập Doanh nghiệp
Tổng công ty/ Viglacera/VGC	: Tổng công ty Viglacera - CTCP
TP/Tp	: Thành phố
TSCĐ	: Tài sản cố định
UBCKNN	: Ủy ban chứng khoán nhà nước
UBND	: Ủy ban nhân dân
VĐL	: Vốn điều lệ
VND	: Đồng Việt Nam

III. GIỚI THIỆU VỀ TỔ CHỨC LÀ CHỦ SỞ HỮU VỐN CHUYỂN NHƯỢNG

1. Giới thiệu chung:

Một số thông tin chính về Bộ Xây dựng như sau:

Tên đầy đủ bằng tiếng Việt: **BỘ XÂY DỰNG**

Trụ sở chính: Số 37 Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

Điện thoại: (84.24) 39760271 Fax: (84.24) 39762153

Website: www.xaydung.gov.vn

2. Môi quan hệ với công ty cổ phần có vốn đầu tư cần chuyển nhượng

Bộ Xây dựng là cổ đông lớn nắm giữ 241.985.262 cổ phần, chiếm tỷ lệ 53,97% vốn điều lệ thực góp của Tổng Công ty Viglacera - CTCP.

3. Số cổ phần sở hữu:

- Tên cổ phiếu: Cổ phiếu Tổng công ty Viglacera - CTCP
- Mã chứng khoán: VGC
- Niêm yết tại: Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX)
- Loại cổ phần: Cổ phần phổ thông
- Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu VGC Bộ Xây dựng đang nắm giữ: 241.985.262 cổ phiếu (chiếm 53,97% tổng số cổ phần đã phát hành theo vốn thực góp trong vốn điều lệ của Tổng công ty Viglacera – CTCP).

IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA CÔNG TY CÓ VỐN NHÀ NƯỚC CHUYÊN NHƯỢNG

1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển.

a. Thông tin chung

- Tên Công ty: TÔNG CÔNG TY VIGLACERA - CTCP
- Tên viết tắt: VIGLACERA
- Vốn điều lệ: 4.483.500.000.000 đồng (Bốn nghìn bốn trăm tám mươi ba tỷ năm trăm triệu đồng)
 Trong đó: Vốn Nhà nước: 2.419.852.620.000 đồng
 Vốn tự huy động: 2.063.647.380.000 đồng
- Địa chỉ: Tầng 16 & 17, Tòa nhà Viglacera, Số 1 Đại lộ Thăng Long, phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội
- Điện thoại: (84.24) 3553 6660 Fax: (84.24) 3553 6671



- Logo:
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh 0100108173 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 01/10/2010, đăng ký thay đổi lần thứ 08 ngày 26/02/2018.
- Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

Các Ngành nghề kinh doanh chủ yếu và sản phẩm/dịch vụ chính của Tổng công ty bao gồm:

TT	Tên ngành	Mã ngành
1	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê - Đầu tư tạo lập nhà, công trình xây dựng để bán, cho thuê, cho thuê mua; - Mua nhà, công trình xây dựng để bán, cho thuê, cho thuê mua; - Thuê nhà, công trình xây dựng để cho thuê lại; - Đầu tư cải tạo đất và đầu tư các công trình hạ tầng trên đất thuê để cho thuê đất đã có hạ tầng; - Nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất, đầu tư công trình hạ tầng để chuyển nhượng, cho thuê; thuê quyền sử dụng đất đã có hạ tầng để cho thuê lại.	6810 (chính)
2	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: - Tư vấn về môi trường (không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính, thuế, kiểm toán, kế toán, chứng khoán); - Tư vấn chuyển giao công nghệ;	7490

TT	Tên ngành	Mã ngành
	- Nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao công nghệ sản xuất, thực hiện các dịch vụ thí nghiệm, thử nghiệm, kiểm định nguyên liệu, vật liệu xây dựng.	
3	Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu Chi tiết: Tư vấn đầu tư (không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính, thuế, kiểm toán, kế toán, chứng khoán).	6619
4	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Kinh doanh nguyên liệu, nhiên liệu, vật tư, thiết bị, phụ tùng, phụ kiện máy móc, trang thiết bị phục vụ sản xuất vật liệu xây dựng, xây dựng và phát triển đô thị.	4669
5	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Chi tiết: Kinh doanh các chủng loại vật liệu xây dựng; các sản phẩm gạch, ngói đất sét nung, gạch ốp lát ceramic, gạch ốp lát granit, gạch clinker, gạch bê tông khí, gạch cotto và các loại vật liệu xây dựng khác, các sản phẩm kính xây dựng, kính trang trí, kính an toàn, kính tiết kiệm năng lượng, các sản phẩm sứ vệ sinh và phụ kiện sứ vệ sinh, thiết bị vệ sinh, các loại van công nghiệp, các loại vật tư ngành nước đồng hồ đo nước, gas, nhiệt và bồn tắm, bình nóng lạnh.	4663
6	Sản xuất khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Sản xuất các chủng loại vật liệu xây dựng, nguyên liệu, nhiên liệu, vật tư, thiết bị, phụ tùng, phụ kiện máy móc, trang thiết bị phục vụ sản xuất vật liệu xây dựng, xây dựng và phát triển đô thị; các sản phẩm gạch, ngói đất sét nung, gạch ốp lát ceramic, gạch ốp lát granit, gạch clinker, gạch bê tông khí, gạch cotto và các loại vật liệu xây dựng khác, các sản phẩm kính xây dựng, kính trang trí, kính an toàn, kính tiết kiệm năng lượng các sản phẩm sứ vệ sinh và phụ kiện sứ vệ sinh, thiết bị vệ sinh, các loại van công nghiệp, các loại vật tư ngành nước, đồng hồ đo nước, gas, nhiệt và bồn tắm, bình nóng lạnh.	3290
7	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác Chi tiết: Thi công xây dựng các công trình xây dựng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, thủy điện, đường dây và trạm biến thế điện, công trình kỹ thuật hạ tầng đô thị, khu công nghiệp.	4290
8	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác. Chi tiết: Kinh doanh dịch vụ cho thuê máy móc thiết bị thi công và dịch vụ vận tải.	7730
9	Giáo dục khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ quản lý, cán bộ và công nhân kỹ thuật, công nhân sản xuất vật liệu xây dựng, đào tạo và giáo dục định hướng cho người lao động và chuyên gia Việt Nam đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài.	8559
10	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động Chi tiết: Dịch vụ nhà hàng (không bao gồm kinh doanh quán bar,	5610

TT	Tên ngành	Mã ngành
	phòng hát karaoke, vũ trường).	
11	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày Chi tiết: Khách sạn (không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường).	5510
12	Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Dịch vụ thể thao, vui chơi, giải trí.	9329
13	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp Chi tiết: Dịch vụ siêu thị.	4719
14	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các chủng loại vật liệu xây dựng, nguyên liệu, nhiên liệu, vật tư, thiết bị, phụ tùng, phụ kiện máy móc, trang thiết bị phục vụ sản xuất vật liệu xây dựng, xây dựng và phát triển đô thị; các sản phẩm gạch, ngói đất sét nung, gạch ốp lát ceramic, gạch ốp lát granit, gạch clinker, gạch bê tông khí, gạch cotto và các loại vật liệu xây dựng khác, các sản phẩm kính xây dựng, kính trang trí, kính an toàn, kính tiết kiệm năng lượng, các sản phẩm sứ vệ sinh và phụ kiện sứ vệ sinh, thiết bị vệ sinh, các loại van công nghiệp, các loại vật tư ngành nước, đồng hồ đo nước, gas, nhiệt và bồn tắm, bình nóng lạnh.	8299
15	Khai khoáng chưa được phân vào đâu Chi tiết: Khai thác, chế biến khoáng sản.	0899
16	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất. Chi tiết: + Dịch vụ sàn giao dịch bất động sản (chỉ hoạt động định giá bất động sản tại sàn giao dịch); + Dịch vụ môi giới bất động sản; + Dịch vụ quảng cáo bất động sản; + Dịch vụ quản lý bất động sản + Dịch vụ định giá bất động sản; + Dịch vụ tư vấn bất động sản.	6820
17	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: + Tư vấn thẩm tra dự án đầu tư xây dựng; + Lập dự án đầu tư xây dựng.	7110

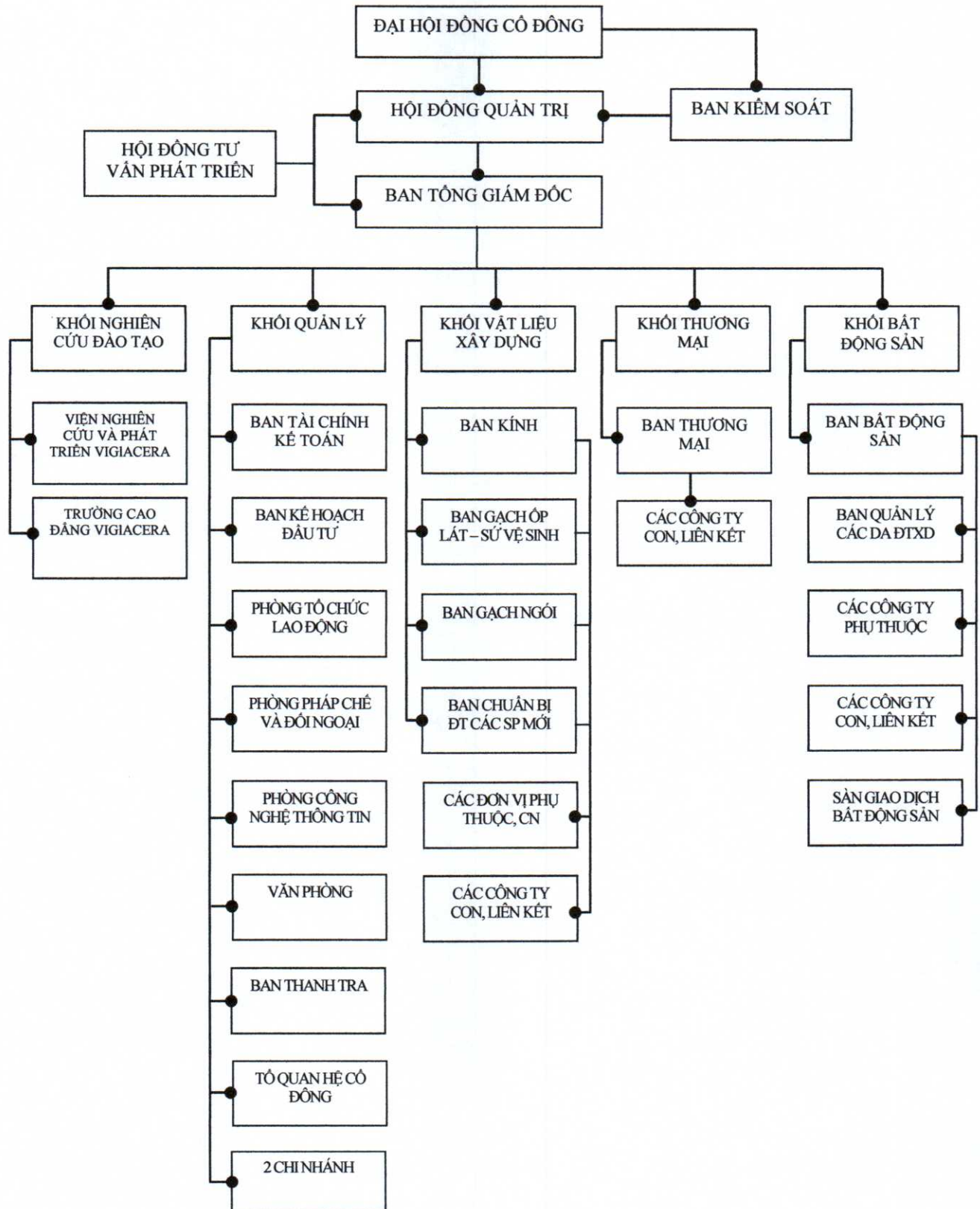
b. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

- 1974: Công ty Gạch ngói Sành sứ Xây dựng được thành lập theo Quyết định số 366/BXD ngày 25/07/1974 của Bộ Xây dựng;
- 1979: Chuyển đổi thành Liên hiệp các Xí nghiệp Gạch ngói và Sành sứ xây dựng theo Quyết định số 308/CP của Chính phủ ngày 07/09/1979;

- 1984: Liên hiệp được chia tách thành 03 miền và Liên hiệp các Xí nghiệp Gạch ngói và Sành sứ xây dựng chỉ quản lý các đơn vị từ Bình Trị Thiên trở ra;
- 1992-1993: Đổi tên thành Liên hiệp các Xí nghiệp Thủy tinh và Gốm Xây dựng và sau đó đổi tên thành Tổng công ty Thủy tinh và Gốm Xây dựng;
- 1995: Thành lập Tổng công ty Thủy tinh và Gốm xây dựng là doanh nghiệp nhà nước thuộc Bộ Xây dựng, hoạt động theo mô hình Tổng công ty 90;
- 2006: Chuyển đổi sang hoạt động theo mô hình Công ty mẹ - Công ty con theo Quyết định số 576/BXD-QĐ ngày 29/3/2006 của Bộ Xây dựng. Bộ máy của Công ty mẹ được tổ chức lại cho phù hợp với đơn vị trực tiếp sản xuất kinh doanh và đồng thời là đơn vị quản lý, đầu tư vốn tại các công ty con, công ty liên kết;
- 2010-2012: Công ty mẹ - Tổng công ty Thủy tinh và Gốm Xây dựng theo mô hình công ty TNHH một thành viên và đổi tên thành Tổng công ty Viglacera và sau đó Chuyển giao quyền và nghĩa vụ Chủ sở hữu vốn Nhà nước tại Tổng công ty Viglacera từ Công ty mẹ - Tập đoàn Phát triển Nhà và Đô thị về Bộ Xây dựng;
- 2013: Được phê duyệt Phương án cổ phần hoá và chuyển Tổng công ty Viglacera thành công ty cổ phần tại Quyết định số 2343/QĐ-TTg ngày 02/12/2013 của Thủ tướng Chính phủ;
- 2014:
 - + Tổng Công ty Viglacera đã thực hiện bán đấu giá cổ phần lần đầu ra công chúng trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội. Vốn điều lệ của Tổng công ty Viglacera là 2.645.000.000.000 đồng;
 - + Tổ chức Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất Tổng công ty Viglacera - CTCP chính thức hoạt động theo mô hình Công ty Cổ phần từ tháng 7/2014;
- 2015: Cổ phiếu của Tổng công ty được chính thức giao dịch trên sàn UpCOM với mã giao dịch VGC;
- 2016:
 - + Tăng vốn điều lệ lần đầu lên 3.070.000.000.000 đồng thông qua việc phát hành 30.000.000 cổ phiếu ra công chúng và 12.500.000 cổ phiếu cho cán bộ công nhân viên (ESOP);
 - + Ngày 22/12/2016, Viglacera đã chính thức niêm yết cổ phiếu trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX) với mã chứng khoán VGC và có giá trị vốn hóa là 3.862 tỷ đồng;
- 2017: Tổng công ty phát hành thành công 120 triệu cổ phiếu ra công chúng, tăng vốn điều lệ lên 4.270 tỷ đồng và hoàn thành phát hành tăng vốn theo chương trình lựa chọn cho người lao động (ESOP 2017), tăng vốn điều lệ lên 4.483,5 tỷ đồng và giảm tỷ lệ sở hữu nhà nước còn 53,97%.
- 2019: Tổng công ty dự kiến chuyển niêm yết sang Sở giao dịch chứng khoán Tp. Hồ Chí Minh (HOSE).

2. Cơ cấu tổ chức công ty

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ CỦA TỔNG CÔNG TY



✦ Đại hội đồng cổ đông

Đại hội đồng Cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Tổng công ty có nhiệm vụ thông qua các báo cáo của HĐQT về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, quyết định các phương án, nhiệm vụ sản xuất kinh doanh và đầu tư, tiến hành thảo luận thông qua, bổ sung sửa đổi Điều lệ Công ty; thông qua các chiến lược phát triển; bầu, bãi nhiệm HĐQT, Ban Kiểm soát, và quyết định bộ máy tổ chức của Tổng công ty và các nhiệm vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

✦ Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Tổng công ty, có toàn quyền nhân danh công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Tổng công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

✦ Ban Kiểm soát

Ban Kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông bầu ra, là tổ chức thay mặt cổ đông để kiểm soát mọi hoạt động kinh doanh, quản trị và điều hành của Tổng Công ty.

✦ Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc gồm 01 Tổng Giám đốc và 04 Phó Tổng Giám đốc.

Tổng giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Tổng công ty và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao. Giúp việc cho Tổng Giám đốc có 04 Phó Tổng Giám đốc.

✦ Các phòng ban chức năng:

Tổng công ty quản lý theo các Khối, bao gồm:

- Khối nghiên cứu đào tạo gồm Viện Nghiên cứu và Phát triển Viglacera, Trường Cao đẳng Viglacera;
- Khối quản lý gồm Ban Tài chính Kế toán, Ban Kế hoạch Đầu tư, Phòng Tổ chức Lao động, Phòng Pháp chế và Đối ngoại, Phòng Công nghệ Thông tin, Văn phòng và 02 Chi nhánh.
- Khối vật liệu xây dựng gồm Ban Kính, Ban Gạch ốp lát - Sứ vệ sinh, Ban Gạch ngói, Ban chuẩn bị đầu tư các sản phẩm mới, các Công ty phụ thuộc, các Công ty con, liên kết.
- Khối Thương mại gồm Ban Thương mại, các Công ty con, liên kết.
- Khối Bất động sản gồm Ban Bất động sản, Ban quản lý các dự án đầu tư xây dựng, các công ty phụ thuộc, các công ty con, công ty liên kết, Sàn Giao dịch Bất động sản.

✦ Danh sách các đơn vị phụ thuộc, công ty con, công ty liên doanh liên kết

Danh sách đơn vị phụ thuộc tại 31/12/2018

TT	Tên đơn vị	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính
1	Công ty Đầu tư Phát triển Hạ tầng Viglacera	Tầng 12 - Tòa nhà Viglacera Tower - Số 1 Đại lộ Thăng Long - Phường Mỹ Trì - Quận Nam Từ Liêm - TP Hà Nội	Xây dựng và kinh doanh bất động sản
2	Công ty Đầu tư Hạ tầng và Đô thị Viglacera	Tầng 12A - Tòa nhà Viglacera Tower - Số 1 Đại lộ Thăng Long - Phường Mỹ Trì - Quận Nam Từ Liêm - TP Hà Nội	Xây dựng và kinh doanh bất động sản
3	Công ty Kinh doanh Bất động sản Viglacera	Khu CN Tiên Sơn - Xã Hoàn Sơn - Huyện Tiên Du - Tỉnh Bắc Ninh	Kinh doanh bất động sản
4	Công ty Thi công Cơ giới Viglacera	Khu CN Tiên Sơn - Xã Hoàn Sơn - Huyện Tiên Du - Tỉnh Bắc Ninh	Đầu tư, xây dựng các công trình, dự án bất động sản
5	Công ty Xây dựng Viglacera	Trung tâm điều hành khu CN Yên Phong - Tỉnh Bắc Ninh	Xây dựng và kinh doanh bất động sản
6	Công ty Kính nổi Viglacera	Khu sản xuất Tân Đông Hiệp - Phường Tân Đông Hiệp - Thị xã Dĩ An - Tỉnh Bình Dương	Sản xuất và kinh doanh kính nổi, kính low-e
7	Công ty Sứ Viglacera Bình Dương	Khu sản xuất Tân Đông Hiệp - Phường Tân Đông Hiệp - Thị xã Dĩ An - Tỉnh Bình Dương	Sản xuất, kinh doanh sứ vệ sinh và phụ kiện
8	Công ty Sen vòi Viglacera	Tây Mỗ - Quận Nam Từ Liêm - TP Hà Nội	Sản xuất và kinh doanh thiết bị vệ sinh
9	Công ty Sứ Viglacera Mỹ Xuân	Đường số 1, Khu công nghiệp Mỹ Xuân A, Phường Mỹ Xuân, Thị Xã Phú Mỹ, Bà Rịa, Vũng Tàu	Sản xuất, kinh doanh sứ vệ sinh và phụ kiện
10	Viện nghiên cứu và phát triển Viglacera	Ngõ 319 Vĩnh Hưng - Thanh Trì - Quận Hoàng Mai - TP Hà Nội	Nghiên cứu và phát triển công nghệ
11	Trường Cao đẳng Viglacera	Khu đô thị Yên Phong - Đông Phong - huyện Yên Phong - Tỉnh Bắc Ninh	Đào tạo nghề

Nguồn: Tổng Công ty Viglacera - CTCP

Danh sách các công ty con tại 31/12/2018

TT	Tên công ty con	Nơi thành lập, hoạt động	Hoạt động kinh doanh chính	Vốn điều lệ (Triệu đồng)	Tỷ lệ sở hữu	Tổng TS tại ngày 31/12/2018 (triệu đồng)	DTT 2018 (Triệu đồng)
1	CTCP Viglacera Thăng Long	Phường Phúc Thảng - Thị xã Phúc Yên - Tỉnh Vĩnh Phúc	SX và KD gạch men	69.898	51,07%	335.282	558.948
2	CTCP Viglacera Tiên Sơn	Khu CN Tiên Sơn - Xã Hoàn Sơn - Huyện Tiên Du - Tỉnh Bắc Ninh	SX và KD gạch	195.000	51,00%	1.017.580	1.244.926
3	CTCP Viglacera Hà Nội	Tầng 15 - Tòa nhà Viglacera Tower - Số 1 Đại lộ Thăng Long - Phường Mễ Trì - Quận Nam Từ Liêm - TP Hà Nội	SX và KD gạch	56.000	51,00%	383.293	531.901
4	CTCP Bao bì và Má phanh Viglacera	Số 676 Hoàng Hoa Thám - Phường Bưởi - Quận Tây Hồ - TP Hà Nội	SX và KD bao bì, má phanh	9.900	51,00%	87.783	77.159
5	CTCP Kinh doanh Gạch Ốp lát Viglacera	Tầng 2 - Tòa nhà Viglacera Tower - Số 1 Đại lộ Thăng Long - Phường Mễ Trì - Quận Nam Từ Liêm - TP Hà Nội	Kinh doanh gạch men	30.000	51,02%	403.462	2.743.491
6	CTCP Việt Trì Viglacera	Phố Hồng Hà - Phường Tiên Cát - TP Việt Trì - Tỉnh Phú Thọ	SX và KD sứ vệ sinh	25.000	97,46%	91.668	249.333
7	CTCP Sứ Viglacera Thanh Trì	Đường Nguyễn Khoái - Phường Thanh Trì - Quận Hoàng Mai - TP Hà Nội	SX và KD sứ vệ sinh	60.000	62,96%	142.286	244.499
8	CTCP Thương mại Viglacera	Tầng 1 - Tòa nhà Viglacera Tower - Số 1 Đại lộ Thăng Long - Phường Mễ Trì - Quận Nam Từ Liêm - TP Hà Nội	KD vật liệu xây dựng	28.469	78,64%	245.992	1.219.083

TT	Tên công ty con	Nơi thành lập, hoạt động	Hoạt động kinh doanh chính	Vốn điều lệ (Triệu đồng)	Tỷ lệ sở hữu	Tổng TS tại ngày 31/12/2018 (triệu đồng)	DTT 2018 (Triệu đồng)
9	CTCP Bê tông khí Viglacera	Khu CN Yên Phong - Xã Long Châu - Huyện Yên Phong - Tỉnh Bắc Ninh	SX gạch chịu áp	65.000	96,19%	154.003	17.358
10	CTCP Kính Viglacera Đáp Cầu	Phường Vũ Ninh - TP Bắc Ninh - Tỉnh Bắc Ninh	SX và KD kính	300.000	86,41%	251.131	20.666
11	CTCP Viglacera Vân Hải	Tổ 2 - Khu 1 - Phường Hồng Hải - TP Hạ Long - Tỉnh Quảng Ninh	Khai thác và KD cát	165.000	92,48%	183.428	59.345
12	CTCP Khoáng sản Viglacera	Xã Văn Tiên – Thành phố Yên Bái – Tỉnh Yên Bái	Khai thác và KD khoáng sản	12.500	51,00%	50.536	92.240
13	Công ty TNHH Một thành viên lắp dựng Kính Viglacera	Khu Cỏ Mễ, Phường Vũ Ninh, Thành phố Bắc Ninh, Bắc Ninh	KD lắp dựng kính xây dựng	20.000	51,00%	32.393	73.308
14	CTCP Viglacera Hạ Long	Phường Hà Khẩu – Thành phố Hạ Long – Tỉnh Quảng Ninh	SX và KD gạch	250.000	50,48%	1.244.648	2.011.193
15	CTCP Viglacera Bá Hiến	Xã Bá Hiến - Huyện Bình Xuyên - Tỉnh Vĩnh Phúc	SX và KD gạch	10.000	52,64%	41.905	43.734
16	CTCP Viglacera Từ Liêm	Xã Xuân Phương - Quận Nam Từ Liêm - TP Hà Nội	SX và KD gạch	15.625	55,92%	70.801	47.410
17	CTCP Viglacera Đông Anh	Tổ 35 - Thị trấn Đông Anh - TP Hà Nội	SX và KD gạch	10.049	51,00%	31.179	49.617
18	CTCP Viglacera Hữu Hưng	Đường Chùa Tổng - Xã La Phù - Huyện Hoài Đức - TP Hà Nội	SX và KD gạch	7.500	51,00%	28.532	56.175
19	CTCP Gạch Clinker Viglacera	Cụm Công nghiệp Kim Sơn, Xã Kim Sơn, Thị Xã Đông Triều, Quảng	SX và KD gạch	180.000	50,47%	429.486	50.101

TT	Tên công ty con	Nơi thành lập, hoạt động	Hoạt động kinh doanh chính	Vốn điều lệ (Triệu đồng)	Tỷ lệ sở hữu	Tổng TS tại ngày 31/12/2018 (triệu đồng)	DTT 2018 (Triệu đồng)
		Ninh					
20	Công ty TNHH Một thành viên Thương mại Viglacera Hạ Long	Khu 2 Đường An Tiêm, Phường Hà Khẩu, Thành phố Hạ Long, Quảng Ninh	KD Vật liệu xây dựng	10.000	50,48%	341.177	1.968.885
21	CTCP Tư vấn Viglacera	Số 57 Phố Vĩnh Phúc - Phường Vĩnh Phúc - Quận Ba Đình - TP Hà Nội	Lập dự án, thiết kế các công trình	3.000	76,89%	15.260	17.929
22	CTCP Vinafacade	Tòa nhà 671 Hoàng Hoa Thám - Phường Vĩnh Phúc - Quận Ba Đình - TP Hà Nội	Kinh doanh, lắp dựng kính xây dựng	4.358	53,01%	31.466	7.138
23	Công ty Cổ phần CHAO Viglacera	Tầng 8, tòa nhà Đại Lộ Thăng Long, Phường Mễ Trì, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Dịch vụ du lịch, nhà hàng	68.000	51,00%	3.768	0
24	Công ty Cổ phần Phát triển Khu Công nghiệp Yên Mỹ - Hưng Yên	Km33 đường 39A Mới, Xã Liêu Xá, Huyện Yên Mỹ, Hưng Yên	Đầu tư xây dựng, cho thuê cơ sở hạ tầng khu công nghiệp	50.000	60,00%	45.096	0
25	Công ty ViMariel - CTCP	Đặc khu kinh tế Mariel - Cuba	Kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp	5.000.000\$	99,90%	7.158	0

Nguồn: Tổng Công ty Viglacera - CTCP

Danh sách các công ty liên kết tại 31/12/2018

TT	Tên công ty liên kết	Nơi thành lập, hoạt động	Hoạt động kinh doanh chính	Vốn điều lệ (Triệu đồng)	Tỷ lệ sở hữu	Tổng TS tại ngày 31/12/18 (Triệu đồng)	DTT 2018 (Triệu đồng)
1	Công ty TNHH Kính nổi Việt Nam (VFG)	Xã Phương Liễu - Huyện Quế Võ - Tỉnh Bắc Ninh	SX và KD Kính	512.042	30,00%	1.138.605	1.138.234
2	Công ty TNHH Kính Nổi Siêu trắng Phú Mỹ	Bà Rịa – Vũng Tàu	Sản xuất và kinh doanh kính	886.000	35,00%	1.055.251	-
3	CTCP Đầu tư và Xuất nhập khẩu Viglacera	Số 2 Hoàng Quốc Việt - Phường Nghĩa Đô - Quận Cầu Giấy - TP Hà Nội	KD xuất nhập khẩu	20.000	25,00%	93.911	97.151
4	CTCP Viglacera Từ Sơn	Đường Trần Phú - Phường Đình Bảng - Thị xã Từ Sơn - Tỉnh Bắc Ninh	SX và KD gạch	20.002	24,93%	56.032	30.974
5	CTCP Viglacera Hạ Long I	Km7 - Cộng Hòa - Thị xã Quảng Yên - Tỉnh Quảng Ninh	SX và KD gạch	10.000	26,00%	52.813	43.052
6	CTCP Vật liệu chịu lửa Viglacera Cầu Đuống	Km 10 - Quốc lộ 3 - Yên Viên - Gia Lâm - TP Hà Nội	SX và KD Gạch chịu lửa	5.000	25,00%	51.817	36.200
7	CTCP Viglacera Hạ Long II	Quảng Ninh	SX và KD gạch	55.000	20,19%	77.170	103.880
8	Công ty cổ phần Viglacera Đông Triều	Xã Xuân Sơn, Huyện Đông Triều, Tỉnh Quảng Ninh	Sản xuất và kinh doanh gạch	100.000	20,19%	288.756	334.681

TT	Tên công ty liên kết	Nơi thành lập, hoạt động	Hoạt động kinh doanh chính	Vốn điều lệ (Triệu đồng)	Tỷ lệ sở hữu	Tổng TS tại ngày 31/12/18 (Triệu đồng)	DTT 2018 (Triệu đồng)
9	Liên doanh SanVig (Cuba)	Cuba	Sản xuất và kinh doanh sứ vệ sinh	39.859.960\$	50,00%	-	-

Nguồn: Tổng Công ty Viglacera - CTCP

3. Tình hình hoạt động kinh doanh

Các lĩnh vực hoạt động của Tổng công ty bao gồm:

a. Hoạt động sản xuất kính xây dựng

Hiện nay, Viglacera có 4 Công ty sản xuất kính gồm: (1) Công ty Kính nổi Viglacera (Tổng Công ty sở hữu 100% vốn, gồm 1 Nhà máy sản xuất kính nổi và một Nhà máy sản xuất kính tiết kiệm năng lượng); (2) Công ty TNHH Kính nổi Việt Nam (Tổng Công ty sở hữu 30% vốn, gồm 1 Nhà máy sản xuất kính nổi); (3) Công ty Cổ phần Kính Viglacera Đáp Cầu (Tổng Công ty sở hữu 86,41% vốn, gồm 1 Nhà máy sản xuất các sản phẩm gia công sau kính) và 1 Công ty lắp dựng kính; (4) Công ty TNHH Kính nổi siêu trắng Phú Mỹ (Tổng Công ty sở hữu 35%) đang đầu tư nhà máy sản xuất kính nổi siêu trắng công suất 600 tấn/ngày dự kiến Quý IV 2019 đi vào hoạt động.

Với mức sở hữu như trên, đến Quý IV 2019 Viglacera là đơn vị chiếm 40% thị phần kính xây dựng sản xuất trong nước và là đơn vị tiên phong trong sản xuất kính tiết kiệm năng lượng (Kính low-e) với 1 nhà máy công suất 2,3 triệu m²/năm, hoạt động từ tháng 7 năm 2016.

Sản lượng kính sản xuất giai đoạn 2016 - 2018

TT	Tên sản phẩm	Đơn vị	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018
1	Kính xây dựng	1.000 m ² QTC	56.159	50.097	59.697
	Kính Low-e	1.000 m ²	-	450	682
2	Các sản phẩm sau kính	1.000 m ²	640	665	684

Nguồn: Tổng công ty Viglacera - CTCP

b. Hoạt động sản xuất sứ vệ sinh, sen vòi

Là doanh nghiệp trong nước đầu tiên đầu tư, sản xuất sản phẩm sứ vệ sinh cao cấp từ năm 1994 tại Công ty Sứ Thanh Trì, Tổng công ty đã mở rộng quy mô, đầu tư thêm 2 nhà máy sứ vệ sinh tại thành phố Việt Trì và tỉnh Bình Dương. Quý IV/2018, Tổng

Công ty đã đưa Nhà máy Sứ Viglacera Mỹ Xuân là nhà máy mới đầu tư đi vào vận hành với công suất 750.000 sản phẩm/năm (sản xuất thử cuối năm 2018). Tổng công suất của 4 nhà máy hiện nay của Tổng Công ty đạt 2.050.000 bộ sản phẩm/năm chiếm 11% năng lực sản xuất toàn ngành. Năm 2003, Tổng công ty đã tiếp nhận, vận hành và đầu tư bổ sung nâng cao chất lượng nhà máy sản xuất sen vòi từ Tổng công ty Cơ khí Xây dựng (COMA) chuyển thành Công ty Sen vòi Viglacera có công suất 500.000 bộ sản phẩm/năm.

Sản lượng sản xuất sứ, sen vòi giai đoạn 2016 - 2018

TT	Tên sản phẩm	Đơn vị	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018
1	Sứ vệ sinh	SP	1.281.400	1.352.290	1.523.136
2	Sen vòi	Bộ	362.136	480.789	492.000

Nguồn: Tổng công ty Viglacera - CTCP

c. Hoạt động sản xuất gạch ốp lát

Lĩnh vực sản xuất Gạch ốp lát hiện Tổng Công ty có 3 Công ty con gồm Công ty Cổ phần Viglacera Hà Nội, Công ty Cổ phần Viglacera Thăng Long và Công ty Cổ phần Viglacera Tiên Sơn với tổng công suất 24,5 triệu m²/năm, trong đó gạch ceramic có sản lượng 15 triệu m²/năm tương đương 3% năng lực sản xuất ngành, gạch granite 9,5 triệu m²/năm tương đương 12% năng lực sản xuất ngành. Các sản phẩm gạch ốp lát của 3 đơn vị này hiện đang được tiêu thụ trong nước và xuất sang thị trường nước ngoài như Đài Loan, Pháp, Nga, Thái Lan, Ấn Độ, Thổ Nhĩ Kỳ, Mỹ, Cuba.

Sản lượng sản xuất gạch ốp lát giai đoạn 2016 - 2018

TT	Tên sản phẩm	Đơn vị	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018
1	Ceramic	1.000 m ²	12.868	13.110	17.946
2	Granite	1.000 m ²	7.150	8.330	10.035

Nguồn: Tổng công ty Viglacera - CTCP

d. Hoạt động sản xuất gạch ngói và các sản phẩm đất sét nung

Lĩnh vực sản xuất gạch ngói đất sét nung Tổng Công ty có 5 Công ty con và 3 Công ty sản xuất bao gồm các sản phẩm truyền thống như gạch xây, ngói lợp, gạch chế. Có 2 nhà máy sản xuất gạch cotto với công suất thiết kế 12 triệu m²/năm, chiếm khoảng 45% năng lực ngành. Cơ cấu sản phẩm đang có sự dịch chuyển theo hướng giảm dần sản lượng gạch xây và tăng dần tỷ trọng nhóm sản phẩm mỏng như ngói lợp, ngói trang trí và gạch cotto.

Sản lượng sản xuất gạch giai đoạn 2016 - 2018

STT	Tên sản phẩm	Đơn vị	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018
1	Gạch xây	1.000 viên	559.526	416.770	312.430
2	Ngói 22 viên/m ²	1.000 viên	85.438	89.367	91.215
3	Ngói 18 viên/ m ²	1.000 viên	-	724	329
4	Ngói trang trí khác	1.000 viên	69.500	63.660	68.216

STT	Tên sản phẩm	Đơn vị	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018
5	Gạch ché	1.000 m ²	1.013	720	532
6	Gạch cotto	1.000 m ²	10.471	12.460	12.344

Nguồn: Tổng công ty Viglacera - CTCP

e. Kinh doanh bất động sản và thi công xây lắp

Là một trong những doanh nghiệp hàng đầu trong lĩnh vực đầu tư và kinh doanh bất động sản (bao gồm hạ tầng kỹ thuật các khu công nghiệp tập trung, khu đô thị, khu nhà ở, thương mại, và nhà ở xã hội).



Bộ máy hình thành cho lĩnh vực này bắt đầu từ năm 1998 với 1 công ty trực thuộc đến nay chuyên nghiệp hóa thành Ban Bất động sản Viglacera với 7 công ty (trong đó 5 Công ty trực thuộc, 2 Công ty cổ phần).

MỘT SỐ CÁC DỰ ÁN ĐÃ VÀ ĐANG TRIỂN KHAI CỦA VIGLACERA

i. Cho thuê Bất động sản và Hạ tầng khu công nghiệp

Các dự án Khu công nghiệp đã triển khai:

ST T	Tên dự án	Diện tích toàn dự án (m ²)	Tổng diện tích kinh doanh theo QH (m ²)	Tổng diện tích kinh doanh theo QĐ giao đất (m ²)	Diện tích đã kinh doanh (m ²) lũy kế đến 31.1.2019	Diện tích còn lại chưa kinh doanh theo QH đến 31.1.2019 (m ²)	Diện tích còn lại chưa kinh doanh theo giao đất đến 31.1.2019 (m ²)
	Tổng cộng	25.202.505	18.606.914	9.895.095	7.173.373	11.433.541	2.721.722
1	KCN Đông Mai – Quảng Ninh	1.600.000	1.115.000	489.496	102.369	1.012.631	387.127
2	KCN Tiên Sơn – Bắc Ninh	3.320.500	2.555.800	2.555.800	2.551.800	4.000	4.000

ST T	Tên dự án	Diện tích toàn dự án (m ²)	Tổng diện tích kinh doanh theo QH (m ²)	Tổng diện tích kinh doanh theo QĐ giao đất (m ²)	Diện tích đã kinh doanh (m ²) lũy kế đến 31.1.2019	Diện tích còn lại chưa kinh doanh theo QH đến 31.1.2019 (m ²)	Diện tích còn lại chưa kinh doanh theo giao đất đến 31.1.2019 (m ²)
3	KCN Phong Điền - Thừa Thiên Huế	2.843.199	2.075.851	530.888	-	2.075.851	530.888
4	KCN Yên Phong I – Bắc Ninh	3.445.600	2.699.716	2.699.716	2.548.530	151.186	151.186
5	KCN Hải Yên – Quảng Ninh	1.824.200	1.200.800	453.340	406.037	794.763	47.303
6	KCN Đồng Văn IV - Hà Nam	3.000.000	2.281.700	1.319.777	607.057	1.674.643	712.720
7	KCN Phú Hà – Phú Thọ	3.500.900	2.580.600	667.570	443.795	2.136.805	223.775
8	KCN Tiên Hải - Thái Bình	2.529.106	1.967.347	212.820	118.160	1.849.187	94.660
9	KCN Yên Phong mở rộng – Bắc Ninh	3.139.000	2.130.100	965.688	395.625	1.734.475	570.063

Viglacera được biết đến là doanh nghiệp với 20 năm kinh nghiệm phát triển hạ tầng KCN tại Việt Nam, với 9 KCN, tổng diện tích 2.520 ha, cụ thể:

- + Tỉnh Bắc Ninh: KCN Tiên Sơn, KCN Yên Phong, KCN Yên Phong mở rộng;
- + Quảng Ninh: KCN Hải Yên, KCN Đông Mai;
- + Huế: KCN Phong Điền;
- + Thái Bình: KCN Tiên Hải;
- + Phú Thọ: KCN Phú Hà;
- + Hà Nam: KCN Đồng Văn IV;

Đến nay Viglacera được đánh giá là doanh nghiệp hàng đầu trong lĩnh vực đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp, với tổng diện tích cho thuê lấp đầy 717ha. Viglacera đã thu hút đầu tư hơn 12 tỷ đô la, cùng 260 doanh nghiệp thuê đất, hạ tầng KCN đến từ nhiều quốc gia trên thế giới như Hàn Quốc, Nhật Bản, Đài Loan..., trong đó có các thương hiệu lớn hàng đầu thế giới như Samsung, Canon, Orion, Sumitomo...

Với phương châm “thành công của nhà đầu tư là thành công của chúng tôi”, Viglacera luôn quan tâm và ưu tiên đầu tư phát triển các KCN có vị trí địa lý, hệ thống giao thông thuận lợi, hạ tầng, tiện ích dịch vụ đồng bộ, an ninh an toàn, đảm bảo cho hoạt động sản xuất kinh doanh của các nhà đầu tư được thuận lợi. Viglacera đã nhiều lần đạt các giải thưởng quốc tế “Nhà phát triển KCN tốt nhất Việt Nam” và “Nhà phát triển năng động nhất Việt Nam” cho những thành quả đạt được trong lĩnh vực phát triển bất động sản nhà ở và KCN.

Lợi thế các khu công nghiệp của Viglacera:

1. Là doanh nghiệp với kinh nghiệm 20 năm phát triển các khu công nghiệp;
2. Vị trí chiến lược, gần các quốc lộ chính, giao thông thuận lợi dễ dàng kết nối đến sân bay, cảng biển;
3. Mặt bằng đất sạch sẵn sàng, có thể đầu tư xây dựng nhà máy ngay; giá thuê cạnh tranh so với các khu công nghiệp có mức đầu tư hạ tầng tương đương;
4. Được đầu tư bài bản, đồng bộ về hạ tầng kỹ thuật cũng như hạ tầng xã hội dịch vụ. Các khu công nghiệp đều có khu nhà cho công nhân, nhà ở cho chuyên gia;
5. Cung cấp dịch vụ quản lý vận hành chuyên nghiệp cho các nhà đầu tư thứ cấp;

Tiếp tục duy trì và phát triển, trong năm 2019, Tổng công ty đẩy mạnh chuẩn bị đầu tư các dự án Khu công nghiệp mới: KCN Yên Phong IIC - tỉnh Bắc Ninh: Được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chủ trương đầu tư ngày 11/9/2018; và KCN Yên Mỹ - tỉnh Hưng Yên: Được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chủ trương đầu tư ngày 30/5/2018.

Kết quả thực hiện đến 31/1/2019 tại 9 dự án như sau:

i1. Khu công nghiệp Đông Mai



- + Vị trí dự án: Thị xã Quảng Yên, tỉnh Quảng Ninh
- + Diện tích: 160ha
- + Tổng mức đầu tư: 1.114 tỷ đồng
- + Thời gian đầu tư: từ năm 2010

- + Mục đích đầu tư: Đầu tư phát triển và kinh doanh kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp

Tiến độ thực hiện:

- + Đã cơ bản hoàn thành đầu tư hệ thống hạ tầng kỹ thuật cho 64ha diện tích đã đền bù và thực hiện cho thuê lại 10,2ha đất công nghiệp.
- + Hiện đang tiếp tục thi công các hạng mục hạ tầng kỹ thuật trên khu đất 77ha đã GPMB.

i2. Khu công nghiệp Tiên Sơn:



- + Vị trí dự án: Huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh
- + Diện tích: 332ha
- + Tổng mức đầu tư: 834 tỷ đồng
- + Thời gian đầu tư: từ năm 2000
- + Mục đích đầu tư: Đầu tư phát triển và kinh doanh kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp

Tiến độ thực hiện:

- + Đã hoàn thành đầu tư hệ thống hạ tầng kỹ thuật cho toàn bộ diện tích dự án và thực hiện cho thuê lại 255,2ha đất công nghiệp, lấp đầy 99,8% diện tích dự án.

i3. Khu công nghiệp Phong Điền



- + Vị trí dự án: huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế
- + Diện tích: 284ha
- + Tổng mức đầu tư: 682 tỷ đồng
- + Thời gian đầu tư: từ năm 2015
- + Mục đích đầu tư: Đầu tư phát triển và kinh doanh kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp

Tiến độ thực hiện:

- + Đã cơ bản hoàn thành đầu tư hệ thống hạ tầng kỹ thuật cho 69ha diện tích đã đền bù. Đang xúc tiến đầu tư.

i4. Khu công nghiệp Yên Phong I



Tổng thể quy hoạch Khu công nghiệp Yên Phong

- + Vị trí dự án: Huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh
- + Diện tích: 344ha
- + Tổng mức đầu tư: 990 tỷ đồng

- + Thời gian đầu tư: từ năm 2006
- + Mục đích đầu tư: Đầu tư phát triển và kinh doanh kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp

Tiến độ thực hiện:

- + Đã cơ bản hoàn thành đầu tư hệ thống hạ tầng kỹ thuật cho toàn bộ diện tích dự án và thực hiện cho thuê lại 254,9ha đất công nghiệp, lấp đầy 94% diện tích dự án.

i5. Khu công nghiệp Hải Yên



- + Vị trí dự án: Thành phố Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh
- + Diện tích: 182ha
- + Tổng mức đầu tư: 317 tỷ đồng
- + Thời gian đầu tư: từ năm 2005
- + Mục đích đầu tư: Đầu tư phát triển và kinh doanh kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp

Tiến độ thực hiện:

- + Đã cơ bản hoàn thành đầu tư hệ thống hạ tầng kỹ thuật cho 80ha diện tích đã đền bù và thực hiện cho thuê lại 40,6ha đất công nghiệp.

i6. Khu công nghiệp Đồng Văn IV



Phối cảnh KCN Đồng Văn IV, tỉnh Hà Nam

- + Vị trí dự án: Huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam
- + Diện tích: 300ha
- + Tổng mức đầu tư: 1.947 tỷ đồng
- + Thời gian đầu tư: từ năm 2016
- + Mục đích đầu tư: Đầu tư phát triển và kinh doanh kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp

Tiến độ thực hiện:

- + Đã cơ bản hoàn thành đầu tư hệ thống hạ tầng kỹ thuật cho 88ha và thực hiện cho thuê lại 60,7ha đất công nghiệp.

Hiện đang tiếp tục thi công, đền bù giải phóng mặt bằng và các hạng mục hạ tầng kỹ thuật trên khu đất 133ha.

i7. Khu công nghiệp Phú Hà



- + Vị trí dự án: Thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ
- + Diện tích: 350ha
- + Tổng mức đầu tư: 1.587 tỷ đồng
- + Thời gian đầu tư: từ năm 2015
- + Mục đích đầu tư: Đầu tư phát triển và kinh doanh kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp

Tiến độ thực hiện:

- + Đã cơ bản hoàn thành đầu tư hệ thống hạ tầng kỹ thuật cho 102ha diện tích đã đền bù và thực hiện cho thuê lại 44,4ha đất công nghiệp.
- + Hiện đang tiếp tục thi công các hạng mục hạ tầng kỹ thuật trên khu đất 70ha đã đền bù.

i8. Khu công nghiệp Tiên Hải 253ha



- + Vị trí dự án: Huyện Tiên Hải, tỉnh Thái Bình
- + Diện tích: 253ha
- + Tổng mức đầu tư: 1.654 tỷ đồng
- + Thời gian đầu tư: từ năm 2016
- + Mục đích đầu tư: Đầu tư phát triển và kinh doanh kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp

Tiến độ thực hiện:

- + Đã cơ bản hoàn thành đầu tư hệ thống hạ tầng kỹ thuật cho 26ha diện tích đã đền bù và thực hiện cho thuê lại 11,8ha đất công nghiệp.
- + Đang triển khai đền bù 26,6ha đất nông nghiệp và đang thi công hạ tầng kỹ thuật.

i9. Khu công nghiệp Yên Phong mở rộng



Tổng thể quy hoạch Khu công nghiệp Yên Phong

- + Vị trí dự án: Huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh
- + Diện tích: 314ha
- + Tổng mức đầu tư: 2.908 tỷ đồng
- + Thời gian đầu tư: từ năm 2015
- + Mục đích đầu tư: Đầu tư phát triển và kinh doanh kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp

Tiến độ thực hiện:

- + Đã hoàn thành đầu tư hệ thống hạ tầng kỹ thuật cho 152ha diện tích đã đền bù và thực hiện cho thuê lại 39,6 ha đất công nghiệp.

Các dự án Khu công nghiệp mới: Hiện nay đang thực hiện công tác chuẩn bị đầu tư 3 dự án.

- + KCN Yên Mỹ - tỉnh Hưng Yên: Được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chủ trương đầu tư ngày 30/5/2018 văn bản số 712/TTg-CN, chủ đầu tư là Công ty cổ phần phát triển KCN Viglacera Yên Mỹ - Hưng Yên (Tỷ lệ góp vốn của Tổng công ty Viglacera là 60% vốn điều lệ). Đang thực hiện giải phóng mặt bằng đợt 1, diện tích 55 ha.
- + KCN Yên Phong IIC - tỉnh Bắc Ninh: Được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chủ trương đầu tư ngày 11/9/2018; đang lập quy hoạch chi tiết 1/500 và đang đền bù giải phóng mặt bằng diện tích 54 ha, chưa được giao đất.
- + KCN Vimariel (Cuba):
 - ✓ Vị trí dự án: Khu A10 Đặc khu Phát triển Mariel, Cộng hòa Nước Cuba
 - ✓ Diện tích: Giai đoạn I là 156,247 ha
 - ✓ Tổng mức đầu tư: 37,298 triệu USD
 - ✓ Thời gian đầu tư: 2019-2023

Mục đích đầu tư: Đầu tư, xây dựng, quản lý và khai thác kinh doanh hạ tầng Khu công nghiệp

Công ty VIMARIEL - CTCP đã ký Hợp đồng thuê đất ngày 31/7/2018 giữa Bộ Tài chính giá cả Nước cộng hòa Cuba và Công ty VIMARIEL - CTCP. Đã được đăng ký quyền sử dụng đất tại quyền số 1, thư mục số 78 (v) của Bộ Tư pháp Nước Cộng hòa Cu Ba, khu đất số 1203, khu vực Artemisa. Hiện tại, đang hoàn thiện các thủ tục đầu tư, chưa thi công hạ tầng, chưa kinh doanh.

ii. Khu đô thị, nhà ở và văn phòng cho thuê

STT	Tên dự án	Diện tích đất toàn dự án (m ²)	Diện tích còn lại chưa kinh doanh (m ²) (tại 31/1/2019)	Ghi chú
1	Khu đô thị mới Đặng Xá 1 – Hà Nội	296.541	5.001	chi tiết tại mục ii1
2	Khu đô thị Đặng Xá 2 – Hà Nội	390.226	34.604	chi tiết tại mục ii2
3	Khu chức năng đô thị Xuân Phương – Hà Nội	114.611	6.890	chi tiết tại mục ii3
4	Tổ hợp văn phòng, nhà ở cao cấp Viglacera số 1 Đại lộ Thăng Long (2 gđ)– Hà Nội	36.661	19.290	chi tiết tại mục ii4
5	Khu NOXH và Thương mại KCN Yên Phong tại xã Đông Tiến, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh	192.478	56.352	chi tiết tại mục ii5
6	Khu nhà ở Đại Mỗ – Hà Nội	20.953	-	chi tiết tại mục ii6
7	Tổ hợp thương mại, văn phòng, nhà ở ngã 6 Bắc Ninh	10.572	1.076,5	chi tiết tại mục ii7
8	Khu chức năng đô thị Tây Mỗ – HN	85.904	543	chi tiết tại mục ii8
9	Khu nhà ở 671 Hoàng Hoa Thám – Hà Nội	16.550	592	chi tiết tại mục ii9
10	Khu nhà ở và dịch vụ cho CBCNV KCN Yên Phong – Bắc Ninh	320.971	72.344	chi tiết tại mục ii10
11	Khu chung cư và dịch vụ KCN Tiên Sơn – Bắc Ninh	249.625	45.106	chi tiết tại mục ii11
12	Khu dịch vụ, NOCN KCN Đồng Văn IV	151.355,5	34.835,4	chi tiết tại mục ii12

Với mục tiêu đa dạng hóa sản phẩm, Viglacera đã và đang triển khai đầu tư xây dựng các

dự án bất động sản khác như các khu đô thị, khu nhà ở, thương mại và nhà ở xã hội, cụ thể như sau:

ii1. Khu đô thị mới Đặng Xá 1 - Hà Nội

- + Địa điểm: Gia Lâm, TP. Hà Nội
- + Quy mô: 29,6 ha

Đã kinh doanh 2.225 căn hộ nhà chung cư, 195 căn nhà thấp tầng. Còn 8 căn thấp tầng chưa kinh doanh và 3.361m² đất công cộng.

ii2. Khu đô thị mới Đặng Xá 2 - Hà Nội



- + Vị trí dự án: Xã Đặng Xá, huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội
- + Diện tích: 39ha
- + Tổng mức đầu tư: 2.490 tỷ đồng
- + Khởi công: Năm 2012
- + Mục tiêu đầu tư: Đầu tư Khu đô thị có hệ thống công trình hạ tầng cơ sở kỹ thuật và xã hội đồng bộ và hiện đại với các công trình nhà ở, dịch vụ theo quy hoạch được duyệt.

Đã hoàn thành đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật toàn dự án, các lô đất xây dựng nhà cao tầng, thấp tầng, trường tiểu học, THCS, bãi xe, cây xanh cảnh quan. Kinh doanh và bàn giao đưa vào sử dụng gần 2.600 căn hộ nhà ở.

Đến nay còn 102 căn nhà thấp tầng tổng diện tích 21.594m² chưa kinh doanh. Các ô đất công cộng, hỗn hợp tổng diện tích 13.010m².

ii3. Khu chức năng đô thị Xuân Phương – Hà Nội



- + Vị trí dự án: Xã Xuân Phương, quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội
- + Diện tích: 14,5ha
- + Tổng mức đầu tư: 2.488 tỷ đồng
- + Khởi công: Năm 2007
- + Mục tiêu đầu tư: Đầu tư Khu đô thị có hệ thống công trình hạ tầng cơ sở kỹ thuật và xã hội đồng bộ và hiện đại với các công trình nhà ở, dịch vụ theo quy hoạch được duyệt.

Đã được giao 11,4ha đất giai đoạn 1, hoàn thành đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật giai đoạn 1, các lô đất xây dựng nhà cao tầng, thấp tầng, hồ nước, cây xanh cảnh quan. Kinh doanh và bàn giao đưa vào sử dụng 441 căn hộ nhà ở.

Đã được giao đất giai đoạn 2 diện tích 3,07ha, đang thi công xây dựng.

Đến nay còn 24 căn nhà thấp tầng chưa kinh doanh, các ô đất, tổ hợp công cộng tổng diện tích 5.396m².

ii4. Tổ hợp Văn phòng TM nhà ở Viglacera số 1 Đại lộ Thăng Long – Hà Nội



- + Vị trí dự án: Số 1 Đại lộ Thăng Long, quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội
- + Diện tích: 3,6ha
- + Giai đoạn 1 (trên diện tích 17.706m² đất): Khu căn hộ số 1 Thăng Long gồm 2 tòa nhà A và B cao 40 tầng, 1073 căn hộ, hoàn thành bàn giao đưa vào sử dụng năm 2015, đến nay còn 3 căn hộ tổng diện tích 385m² chưa kinh doanh. Tổng diện tích thương mại đã cho thuê 7.136,4m², còn lại 2.695,3m² chưa cho thuê.
- + Giai đoạn 2 (trên diện tích 18.905 m² đất): Tiếp tục công tác chuẩn bị đầu tư dự án quy mô bao gồm 2 tòa nhà (1 Tòa Văn phòng, 1 Tòa nhà ở) từ 25-30 tầng; dự án đã được giao đất và nộp tiền sử dụng đất.

ii5. Khu NOXH và Thương mại dịch vụ KCN Yên Phong tại xã Đông Tiến, huyện Yên Phong - Bắc Ninh (19,2ha)



Vị trí dự án: xã Đông Tiến, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh

- + Giai đoạn 1: Khu NOXH KCN Yên Phong tại xã Đông Tiến, huyện Yên Phong - Bắc Ninh
 - Diện tích: 9,6ha
 - Tổng mức đầu tư: 1.372 tỷ đồng (bao gồm 108 căn thấp tầng và 2.376 căn hộ chung cư)
 - Khởi công: Năm 2017
 - Mục tiêu đầu tư: Đầu tư Khu nhà ở có hệ thống công trình hạ tầng cơ sở kỹ thuật và xã hội đồng bộ và hiện đại với các công trình nhà ở, dịch vụ theo quy hoạch được duyệt.

Đã đầu tư xây dựng xong hạ tầng kỹ thuật, cây xanh cảnh quan. Đang triển khai đầu tư xây dựng xong 108 căn nhà thấp tầng, chung cư cao tầng lô OCH4 (500căn), đang triển khai kinh doanh các căn nhà thấp tầng, cao tầng. Đến nay còn lại 30 căn nhà thấp tầng và toàn bộ các căn nhà chung cư chưa kinh doanh.

- + Giai đoạn 2: Khu NO Thương mại dịch vụ KCN Yên Phong tại xã Đông Tiến, huyện Yên Phong - Bắc Ninh
 - Diện tích: 9,6ha
 - Đang thực hiện đền bù giải phóng mặt bằng.

ii6. Khu nhà ở Đại Mỗ – Hà Nội

- + Địa điểm: Đại Mỗ, Từ Liêm, Hà Nội
- + Quy mô: 20.950 m²

Tổng số 73 căn nhà thấp tầng, 124 căn hộ chung cư đã đầu tư xây dựng và kinh doanh xong.

ii7. Dự án Tổ hợp thương mại, văn phòng, nhà ở ngã 6 - Bắc Ninh

- + Vị trí dự án: Ngã 6, phường Đại Phúc, Thành phố Bắc Ninh

Giai đoạn 1 (trên diện tích đất 6.705,3m²): Tòa chung cư 9 tầng (615m² đất xây dựng và 461,5m² đất bãi xe), 40 căn hộ đã cho thuê hết.

Giai đoạn 2 (trên diện tích đất 3.866,4m²): Xây dựng Tổ hợp thương mại, văn phòng, căn hộ để bán. Tổng số 241 căn hộ đã kinh doanh xong

Phần diện tích dịch vụ 2238m² đã cho thuê hết.

ii8. Khu chức năng đô thị Tây Mỗ – Hà Nội

- + Địa điểm: xã Đại Mỗ và Tây Mỗ, Từ Liêm, Hà Nội
- + Quy mô: 85.904m²

Tổng số 232 căn nhà thấp tầng, 288 căn hộ chung cư đã đầu tư xây dựng và kinh doanh xong, còn lại 2 căn nhà thấp tầng chưa kinh doanh.

ii9. Khu nhà ở 671 Hoàng Hoa Thám - Hà Nội



- + Vị trí dự án: 671 Hoàng Hoa Thám, quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội
- + Diện tích: 1,65ha

- + Mục tiêu đầu tư: Đầu tư khu nhà ở và thương mại có hệ thống công trình hạ tầng cơ sở kỹ thuật đồng bộ phù hợp với quy hoạch được duyệt.

Giai đoạn 1, 2: Xây dựng trên khu đất có diện tích 9.243m², hoàn thành đưa vào sử dụng năm 2012, đã kinh doanh xong, bao gồm 2 khối nhà chung cư cao 18 và 21 tầng (322 căn hộ), khu nhà vườn 3 tầng (8 căn). Các công trình tiện ích công cộng như sân vườn, đài phun nước, siêu thị, nhà trẻ, bãi đỗ xe, khu thể thao... được xây dựng ngay trong khu đất. Tổng diện tích thương mại chưa cho thuê là 3.600m².

Giai đoạn 3: Xây dựng Khu nhà ở thấp tầng trên khu đất 7.270m², tổng mức đầu tư 584 tỷ đồng, bao gồm 33 căn nhà vườn liền kề diện tích từ 85 - 230m² có tầng hầm gara riêng được thiết kế độc đáo cho mỗi nhà. Dự án đã hoàn thành đưa vào sử dụng năm 2017, hiện tại còn 5 căn nhà thấp tầng tổng diện tích 592m² chưa kinh doanh.

ii10. Khu nhà ở và dịch vụ cho CBCNV KCN Yên Phong - Bắc Ninh



- + Vị trí dự án: xã Đông Phong, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh
- + Diện tích: 51,63ha
- + Tổng mức đầu tư hạ tầng kỹ thuật: 521 tỷ đồng
- + Khởi công: Năm 2009
- + Mục tiêu đầu tư: Đầu tư Khu nhà ở có hệ thống công trình hạ tầng cơ sở kỹ thuật và xã hội đồng bộ và hiện đại với các công trình nhà ở, dịch vụ theo quy hoạch được duyệt.

Đã được giao 32,0971ha đất giai đoạn 1, cơ bản đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật, xây dựng 8 tòa nhà chung cư cao tầng cho thuê, đầu tư và kinh doanh nhà thấp tầng lô đất BT10, BT2, BT3. Đến nay còn tổng diện tích 72.344m² đã được giao đất và chưa tính tiền sử dụng đất, trong đó 23.179m² đất nhà ở thấp tầng, 49.165 đất chung cư cao tầng,

thương mại dịch vụ và chưa kinh doanh.

ii11. Khu dịch vụ và chung cư Khu công nghiệp Tiên Sơn - Bắc Ninh



- + Vị trí dự án: xã Hoàn Sơn, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh
- + Diện tích: 24,9ha
- + Tổng mức đầu tư hạ tầng kỹ thuật: 90 tỷ đồng
- + Khởi công: Năm 2003
- + Mục tiêu đầu tư: Đầu tư Khu nhà ở có hệ thống công trình hạ tầng cơ sở kỹ thuật và xã hội đồng bộ và hiện đại với các công trình nhà ở, dịch vụ theo quy hoạch được duyệt.

Đã đầu tư xây dựng cơ bản hạ tầng kỹ thuật, cây xanh cảnh quan. Đã hoàn thành đầu tư xây dựng 4 toà chung cho thuê (220 căn), kinh doanh xong 198 căn nhà thấp tầng. Đến nay còn 12 căn nhà thấp tầng tổng diện tích 2.480m² chưa kinh doanh. Còn 4 toà chung cư tổng diện tích 42.626m² chưa đầu tư xây dựng.

ii12. Dự án khu dịch vụ, nhà ở công nhân Khu công nghiệp Đồng Văn IV - Hà Nam



- + Vị trí dự án: huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam
 - + Diện tích: 15,1ha
 - + Tổng mức đầu tư hạ tầng kỹ thuật: 183,6 tỷ đồng
 - + Khởi công: Năm 2017
 - + Mục tiêu đầu tư: Đầu tư Khu nhà ở có hệ thống công trình hạ tầng cơ sở kỹ thuật và xã hội đồng bộ, hiện đại với các công trình nhà ở, dịch vụ theo quy hoạch được duyệt (bao gồm 190 lô đất nền, 28 căn nhà thấp tầng và 2.187 căn hộ chung cư).
- Đã đền bù xong, đầu tư xây dựng cơ bản hạ tầng kỹ thuật, cây xanh cảnh quan phân khu của dự án. Chưa kinh doanh.

Có 2 Dự án mới đang thực hiện:

ii13. Dự án đầu tư xây dựng nhà ở xã hội tại ô đất CT3, CT4 thuộc Khu đô thị mới Kim Chung, huyện Đông Anh - Hà Nội



- + Vị trí dự án: Xã Kim Chung, huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội
- + Diện tích: 3,69ha
- + Tổng mức đầu tư: 1.270 tỷ đồng
- + Khởi công: năm 2018
- + Mục đích đầu tư: Đầu tư Khu nhà ở cho người có thu nhập thấp giải quyết chỗ ở cho các đối tượng xã hội trên địa thành phố.
- + Dự án Liên danh giữa Viglacera và Handico (tỷ lệ 50/50).

Dự án bao gồm 03 tòa nhà chung cư: CT3A, CT3B, CT3C tại ô đất CT3 và 01 tòa nhà chung cư tại ô đất CT4. Tổng diện tích sàn xây dựng khoảng 133.667m², đang thi công xây dựng.

ii14. Dự án khu nhà ở xã hội cho công nhân khu Công nghiệp Phú Hà – Phú Thọ



- + Vị trí dự án: Thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ
- + Diện tích: 4,3175ha
- + Tổng mức đầu tư hạ tầng kỹ thuật: 9,155 tỷ đồng
- + Khởi công: Năm 2018
- + Hiện đang triển khai thi công xây dựng

Mục tiêu đầu tư: Đầu tư Khu nhà ở có hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật, xã hội đồng bộ theo quy hoạch được duyệt. Chưa đầu tư xây dựng nhà, chưa đủ điều kiện kinh doanh.

f. Dịch vụ quản lý vận hành sau đầu tư

Công tác quản lý vận hành là một mắt xích quan trọng trong chuỗi giá trị (đầu tư - thực hiện đầu tư - kinh doanh - quản lý vận hành). Để đảm bảo tính đồng bộ chuyên nghiệp khép kín trong đầu tư, tại các dự án Tổng công ty đều thành lập các đơn vị quản lý vận hành có chức năng nhiệm vụ quản lý vận hành, kinh doanh các dịch vụ hạ tầng trong dự án. Mọi hoạt động của đơn vị tuân thủ quy trình vận hành mang tính chuyên nghiệp theo bộ tiêu chuẩn do Viglacera ban hành, và không ngừng nâng cao chất lượng nhằm tạo môi trường đầu tư tiêu chuẩn đáp ứng yêu cầu khách hàng (đối với các khu công nghiệp), tạo môi trường xanh, sạch đẹp, không gian ở mang tính cộng đồng, đời sống dân trí được nâng cao (đối với khu đô thị và nhà ở).

Đặc biệt tại các dự án khu công nghiệp với giá trị lợi thế thu được từ phí dịch vụ hạ tầng, phí sử dụng nước sạch và phí xử lý nước thải hàng năm luôn được duy trì ổn định và gia tăng theo tiến độ lấp đầy dự án. Do đó làm tốt công tác quản lý vận hành sau đầu tư vừa đem lại nhuận ổn định, duy trì sự phát triển bền vững của dự án, cũng như nâng cao vị thế thương hiệu của Viglacera.

Bên cạnh đó, để mở rộng hoạt động quản lý vận hành, Tổng công ty Viglacera cùng đối tác Nhật Bản là Công ty Sankei Building Management thuộc Tập đoàn Sankei Building của Nhật Bản có kinh nghiệm quản lý các tòa nhà chung cư, khách sạn, văn phòng, đã thành lập Công ty Cổ phần VISAHO. VISAHO tập trung vào công tác tư vấn quản lý, vận hành các dự án nhà ở và sau đó tiếp tục đầu tư dịch vụ tại các dự án khu công nghiệp trong và ngoài Tổng công ty.

Hiện tại hoạt động đầu tư và kinh doanh bất động sản đang được quản lý trực tiếp tại Công ty mẹ - Tổng công ty và hầu hết các dự án này đều do Tổng công ty làm chủ đầu tư, xây dựng kế hoạch đầu tư, phương án tài chính và phương án kinh doanh.

Cùng với hoạt động đầu tư và kinh doanh bất động sản, Tổng công ty có hoạt động trong lĩnh vực thi công xây lắp, trong đó chủ yếu triển khai thực hiện thi công các hạng mục công trình công nghiệp và dân dụng thuộc các dự án đầu tư do Công ty mẹ - Tổng công ty và các đơn vị thành viên là chủ đầu tư.

g. Hoạt động đào tạo, nghiên cứu phát triển

Tổng công ty đã thành lập Viện nghiên cứu và phát triển Viglacera với cơ sở vật chất, thiết bị hiện đại đồng bộ đáp ứng cho nhu cầu nghiên cứu và thí nghiệm. Đồng thời hoàn thành đầu tư giai đoạn I và tiếp tục triển khai giai đoạn II Trường Cao đẳng nghề Viglacera phục vụ và đáp ứng nhu cầu cần thiết trong đào tạo nguồn nhân lực ngay trong các doanh nghiệp của Viglacera. Bên cạnh đó, Viglacera cũng tiếp tục mở rộng mối quan hệ hợp tác quốc tế đối với các đối tác có kinh nghiệm trong các lĩnh vực sản xuất vật liệu, nghiên cứu phát triển và đào tạo. Đây cũng chính là mô hình được các tập đoàn trên thế giới áp dụng trong hoạt động.

Trường Cao đẳng nghề Viglacera tiền thân là Trường trung cấp nghề Viglacera được thành lập từ năm 1973. Trường đào tạo chuyên sâu nghề Sản xuất vật liệu xây dựng và là trường nghề đầu tiên tại Việt Nam đào tạo đến bậc cao đẳng trong lĩnh vực kính XD, sứ vệ sinh, gạch ốp lát, gạch ngói đất sét nung. Trường có đội ngũ giáo viên giỏi, giàu kinh nghiệm thực tế, cơ sở vật chất, trang thiết bị giảng dạy đồng bộ. Hàng năm Nhà trường

đào tạo hơn 3.000 lượt học viên với đầy đủ các kỹ năng và tay nghề cao đáp ứng nhu cầu lao động cho các doanh nghiệp trong KCN. Với sự liên kết chặt chẽ hệ thống 20 trường nghề trên cả nước, Trường Cao đẳng nghề Viglacera còn là địa chỉ đào tạo tin cậy, có khả năng cung ứng lao động có tay nghề cho các doanh nghiệp trong nước và quốc tế.

4. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong 03 năm gần nhất và lũy kế đến quý gần nhất

Kết quả hoạt động kinh doanh Công ty mẹ

Đơn vị tính: Đồng

Chỉ tiêu	Năm 2016	Năm 2017	% tăng giảm 2017/2016	Năm 2018	% tăng giảm 2018/2017
Tổng giá trị tài sản	10.041.634.212.344	12.394.680.681.348	23,43%	12.733.299.338.638	2,73%
Doanh thu thuần	3.187.484.641.173	3.972.977.861.683	24,64%	3.248.092.154.811	-18,25%
Lợi nhuận từ HĐKD	442.436.317.056	586.542.873.819	32,57%	585.247.929.787	-0,22%
Lợi nhuận khác	(1.543.848.051)	(20.022.252.884)	-	21.289.124.879	-
Lợi nhuận trước thuế	440.892.469.005	566.520.620.935	28,49%	606.537.054.666	7,06%
Lợi nhuận sau thuế	363.034.004.476	471.564.715.100	29,90%	503.864.029.910	6,85%

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2017 và BCTC Quý IV/2018 của Viglacera

Kết quả hoạt động kinh doanh Hợp nhất

Đơn vị tính: Đồng

Chỉ tiêu	Năm 2016	Năm 2017	% tăng giảm 2017/2016	Năm 2018	% tăng giảm 2018/2017
Tổng giá trị tài sản	13.092.601.414.388	16.034.245.160.444	22,47%	16.489.514.662.717	2,84%
Doanh thu thuần	8.138.778.814.139	9.196.505.990.651	13,00%	8.984.063.055.836	-2,31%
Lợi nhuận từ HĐKD	802.546.442.950	929.019.913.059	15,76%	840.333.152.254	-9,55%
Lợi nhuận khác	(33.809.924.231)	(15.210.159.765)	-	2.406.079.457	-
Lợi nhuận trước thuế	768.736.518.719	913.809.753.294	18,87%	842.739.231.711	-7,78%

Chỉ tiêu	Năm 2016	Năm 2017	% tăng giảm 2017/2016	Năm 2018	% tăng giảm 2018/2017
Lợi nhuận sau thuế	620.705.790.989	722.062.789.976	16,33%	667.353.007.457	-7,58%
Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	513.750.218.906	600.137.169.434	16,81%	561.730.528.713	-6,40%
Lợi nhuận sau thuế cổ đông không kiểm soát	106.955.572.083	121.925.620.542	14,00%	105.622.478.744	-13,37%

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2017 và BCTC Quý IV/2018 của Viglacera

Năm 2018 thị trường vật liệu xây dựng cạnh tranh khốc liệt, đặc biệt là thị trường kính xây dựng do nguồn cung tăng. Điều này dẫn tới giá bán vật liệu xây dựng của Tổng công ty giảm so với kế hoạch, kéo theo doanh thu của Tổng công ty giảm. Tuy nhiên, hoạt động kinh doanh năm 2018 có điểm tốt hơn 2017 khi lợi nhuận mảng hạ tầng khu công nghiệp có xu hướng tăng so với năm 2017 do Tổng Công ty tập trung đẩy mạnh mở rộng quỹ đất khu công nghiệp, tập trung hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật và cho thuê hạ tầng khu công nghiệp góp phần nâng cao hiệu quả trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

5. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2016		Năm 2017		Năm 2018	
		Công ty mẹ	Hợp nhất	Công ty mẹ	Hợp nhất	Công ty mẹ	Hợp nhất
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán							
Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	1,57	1,22	2,36	1,57	1,74	1,34
Hệ số thanh toán nhanh	Lần	0,81	0,55	1,54	0,90	0,88	0,67
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn							
Hệ số nợ/Tổng tài sản	Lần	0,62	0,67	0,51	0,58	0,52	0,58
Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu	Lần	1,62	2,00	1,06	1,39	1,10	1,38
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động							
Vòng quay hàng tồn kho	Lần	1,34	2,16	1,68	2,41	1,41	2,35
Doanh thu thuần/Tổng tài sản	Lần	0,34	0,66	0,35	0,63	0,26	0,55
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời							
Hệ số LNST/DTT	%	11,39	7,63	11,87	7,85	15,51	7,43
Hệ số LNST/Vốn CSH	%	10,65	16,19	9,57	13,03	8,33	9,78

Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2016		Năm 2017		Năm 2018	
		Công ty mẹ	Hợp nhất	Công ty mẹ	Hợp nhất	Công ty mẹ	Hợp nhất
bình quân							
Hệ số LNST/Tổng tài sản bình quân	%	3,9	5,00	4,20	5,00	4,01	4,10
Hệ số LN từ HĐKD/DTT	%	13,88	9,86	14,76	10,10	18,02	9,35
Hệ số LNST/Vốn cổ phần	%	12,7	21,7	12,5	19,1	11,2	14,9
Thu nhập trên cổ phần (EPS)	VNĐ	-	1.826	-	1.585	-	1.253
Tỷ lệ chia cổ tức trên mệnh giá cổ phần	%	9,5%	-	9,5%	-	10% (dự kiến)	-

Nguồn: BCTC riêng và BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2016, năm 2017 và BCTC Quý IV/2018 của Viglacera

6. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức năm tiếp theo

Kế hoạch sản xuất kinh doanh của Tổng công ty Viglacera - CTCP như sau:

Đơn vị: tỷ đồng

STT	Chỉ tiêu	Thực hiện 2018	Kế hoạch			
			2019	% tăng giảm 2019/2018	2020	2021
1	Vốn điều lệ	4.483,5	4.483,5	0,00%	4.483,5	4.483,5
2	Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ					
	- Hợp nhất Tổng công ty-CTCP	8.984	9.300	3,5%	10.230	11.250
	- Công ty mẹ	3.248	3.500	7,8%	3.850	4.240
3	LNTT					
	- Hợp nhất Tổng công ty-CTCP	843	950	12,7%	1.000	1.050
	- Công ty mẹ	607	650	7,1%	680	710
4	LNST Công ty mẹ	504	520	3,2%	544	568
5	Tỷ lệ trả cổ tức	10% (dự kiến)	10,5%	0,5%	11,5%	12,0%

STT	Chỉ tiêu	Thực hiện 2018	Kế hoạch			
			2019	% tăng giảm 2019/2018	2020	2021
6	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế /Doanh thu thuần (công ty mẹ)	15,51%	14,86%	-0,66%	14,13%	13,40%
7	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế /Vốn điều lệ (công ty mẹ) (*)	11,24%	11,60%	0,36%	12,13%	12,67%
8	Đầu tư phát triển Công ty mẹ	2.526	2.350	-7%	1.900	2000
8.1	- Lĩnh vực kinh doanh nhà	759,4	613,3	-19,2%	500	500
8.2	- Lĩnh vực vật liệu	552,0	110,2	-80%	300	600
8.3	- Lĩnh vực nghiên cứu phát triển & đào tạo	34,6	31	-10,2%	10,0	10,0
8.4	- Lĩnh vực kinh doanh KCN	1.180,3	1.595,4	35,2%	1.090,0	1.090,0

Nguồn: Viglacera

(*) Tổng công ty không đặt kế hoạch kinh doanh theo Vốn chủ sở hữu nên chỉ tiêu này được tính theo Vốn điều lệ.

Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019 đã được Hội đồng quản trị Tổng Công ty Viglacera - CTCP phê duyệt tại Quyết định số 536/TCT-HĐQT ngày 11/12/2018. Kế hoạch năm 2020 và năm 2021 mức tăng trưởng so với kế hoạch năm 2019 từ 7-10%.

Căn cứ để đạt được mức kế hoạch nêu trên:

Tổng công ty đã đề ra các giải pháp trước mắt cũng như lâu dài để thực hiện chiến lược, mục tiêu đã đề ra cho các kỳ tiếp theo, cụ thể như sau:

a. Công tác tái cơ cấu

❖ Thoái vốn

- Tiếp tục và hoàn thành thực hiện quyết toán vốn nhà nước tại Tổng công ty để bàn giao sang doanh nghiệp Tổng công ty Viglacera - CTCP;
- Xây dựng, triển khai phương án thoái toàn bộ vốn Nhà nước tại Tổng công ty Viglacera - CTCP trong năm 2019 theo lộ trình quy định tại Quyết định số 1232/QĐ-TTg ngày 17/8/2017 của Thủ tướng Chính phủ.

b. Công tác điều hành của Công ty mẹ

- Tập trung chỉ đạo công tác đầu tư phát triển sản phẩm mới, sản phẩm có giá trị cao, thân thiện với môi trường, công tác đầu tư chiều sâu nhằm, nâng cao năng suất, chất

lượng sản phẩm và giá trị gia tăng của sản phẩm.

- Rà soát, phê duyệt bổ sung hệ thống định mức kinh tế kỹ thuật, đơn giá tiền lương, các quy chế khoán quản, tinh giảm bộ máy lao động gián tiếp để tăng năng suất lao động, tiết giảm chi phí trong giá thành sản phẩm.
- Tập trung hoàn thành dự án ERP đảm bảo mục đích: Chuẩn hóa các quy trình kinh doanh; kiểm soát các bộ phận, phòng ban, các công ty thành viên của Tổng công ty theo một hệ thống thông tin thống nhất; tăng độ chính xác và kịp thời của các thông tin; kiểm soát rủi ro; tiết kiệm chi phí; tăng hiệu quả SXKD.

c. Công tác nâng cao chất lượng và phát triển sản phẩm mới

- Phát huy vai trò của Viện nghiên cứu và Phát triển Viglacera, Giám đốc chất lượng các lĩnh vực sản phẩm và cán bộ chất lượng tại các đơn vị trong việc quản lý chặt chẽ chất lượng nguyên vật liệu đầu vào đáp ứng cho chu kỳ sản xuất theo yêu cầu công nghệ; tăng cường quản lý, giám sát đảm bảo tuân thủ quy trình công nghệ sản xuất, thực hiện nghiêm túc công tác sửa chữa, bảo dưỡng máy móc thiết bị, dự trữ vật tư, phụ tùng đúng chủng loại, chất lượng, số lượng để đảm bảo máy móc thiết bị vận hành ổn định, đạt và vượt công suất.
- Trung tâm khuôn mẫu triển khai chương trình hợp tác với các đối tác trong và ngoài nước nghiên cứu đưa ra các mẫu sản phẩm mới theo xu hướng sản phẩm thông minh, gần gũi với thiên nhiên, tính năng sử dụng cao... đáp ứng nhu cầu trong nước và xuất khẩu.

d. Công tác đào tạo và phát triển nguồn nhân lực

Luôn được xác định là nhiệm vụ trọng tâm, xuyên suốt, gắn liền với mục tiêu phát triển ổn định, bền vững của Tổng công ty với đầu mối là Trường Cao đẳng nghề. Thực hiện công tác phát triển nguồn nhân lực gắn liền với thực tiễn công nghệ vật liệu của Tổng công ty theo kế hoạch đào tạo, chương trình đào tạo đáp ứng yêu cầu nhân lực giai đoạn 2019-2021.

- Xây dựng và hoàn thiện quy chế tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng nâng cao và có chế độ đãi ngộ tương xứng cho đội ngũ Công nghệ trưởng - Kỹ sư trưởng đảm nhận vai trò chuyên môn sâu phục vụ công tác quản lý công nghệ - kỹ thuật đối với từng nhóm sản phẩm. Đồng thời, có quy chế đãi ngộ hợp lý cho đội ngũ kỹ sư trẻ, tuyển dụng nhân lực chất lượng cao; nâng cao hơn nữa vai trò của Ban chỉ đạo công tác đào tạo và phát triển nguồn nhân lực của Tổng công ty để triển khai chương trình đào tạo theo chiến lược phát triển của Tổng công ty.
- Triển khai hoạt động đào tạo theo đúng kế hoạch, chương trình đã đặt ra trên cơ sở tiếp tục bồi dưỡng, nâng cao trình độ đội ngũ giáo viên thông qua các chương trình hợp tác đào tạo trong nước và nước ngoài. Duy trì công tác rà soát, cập nhật và hiệu chỉnh hệ thống giáo trình đảm bảo áp dụng được công nghệ tiên tiến; phù hợp với công nghệ hiện có tại các đơn vị sản xuất của Tổng công ty.

e. Công tác tài chính

- Tiếp tục triển khai có hiệu quả các giải pháp tài chính trong vận hành dòng tiền, tồn kho và dư nợ, cơ cấu các khoản vay để đảm bảo nguồn vốn cho hoạt động SXKD và đầu tư phát triển trong kế hoạch 2019 và các năm tiếp theo.

- Tăng cường trách nhiệm và vai trò của các cấp kiểm soát tại các đơn vị và Tổng công ty. Thực hiện việc quản lý, kiểm soát chặt chẽ vật tư đầu vào, việc thực hiện các định mức tiêu hao, định mức kinh tế kỹ thuật trong hoạt động sản xuất.

f. Công tác thị trường

- Ban Thương mại Tổng công ty là đầu mối tiếp tục duy trì công tác khảo sát, đánh giá phân tích toàn diện về thị trường, về mẫu mã, chất lượng sản phẩm và dịch vụ, giá cả sản phẩm để có các giải pháp khả thi nâng cao năng lực cạnh tranh và hiệu quả SXKD, chiến lược phát triển sản phẩm mới và định hướng đầu tư của Tổng công ty.
- Xây dựng chiến lược xuất khẩu các sản phẩm của Tổng Công ty, các giải pháp thực hiện kế hoạch xuất khẩu hàng năm đã đề ra.
- Triển khai đăng ký thành lập các văn phòng đại diện, đăng ký tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm tại các thị trường xuất khẩu phù hợp với pháp luật liên quan, đảm bảo công tác xuất khẩu thuận lợi, giảm chi phí và thực hiện hoàn thành kế hoạch xuất khẩu năm 2019.
- Định kỳ phân tích, đánh giá đối thủ cạnh tranh, đề ra các giải pháp kinh doanh phù hợp cho từng thời kỳ.

g. Công tác đầu tư phát triển

- Triển khai kế hoạch đầu tư phát triển với các dự án đầu tư mới, dự án đầu tư mở rộng nhằm đáp ứng mục tiêu đã đặt ra trong kế hoạch giai đoạn 2019-2021; song song với triển khai đầu tư chiều sâu, ứng dụng khoa học công nghệ nâng cao chất lượng, giảm chi phí.
- Tổ chức triển khai dự án VLXD, bất động sản tại Cuba.



BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN THOẢI VỐN NHÀ NƯỚC

7. Danh sách đất đai Tổng Công ty Viglacera - CTCP đang quản lý và sử dụng

STT	ĐỊA CHỈ LÔ ĐẤT	Đơn vị cấp/cho thuê đất	Diện tích đất được giao chủ đầu tư (m2)	Hồ sơ pháp lý	Hình thức/ Thời hạn SD đất	Tình hình thực hiện nghĩa vụ tài chính của lô đất	Ghi chú
1	Khu công nghiệp Đông Mai tại Phường Đông Mai, thị xã Quảng Yên, tỉnh Quảng Ninh	UBND tỉnh Quảng Ninh	1.584.800,0	Quyết định thành lập và cho phép đầu tư số 2276/QĐ-UBND ngày 14/7/2008 của UBND tỉnh Quảng Ninh		Thực hiện trả tiền thuê đất trả tiền hàng năm	
			103.715,0	QĐ giao đất Đợt 1: số 1245/QĐ-CT ngày 15/5/2013 của UBND tỉnh Quảng Ninh	Thuê đất trả tiền hàng năm trong 45 năm từ năm 2016 đến 2058		
			58.167,0	QĐ giao đất Đợt 2: số 3319/QĐ-CT ngày 11/10/2016 của UBND tỉnh Quảng Ninh	Thuê đất trả tiền hàng năm trong 42 năm từ năm 2016 đến 2058		
			479.003,3	QĐ giao đất Đợt 3: số 3245/QĐ-CT ngày 23/8/2018 của UBND tỉnh Quảng Ninh	Thuê đất trả tiền hàng năm trong 40 năm từ năm 2018 đến 2058		
			943.914,7	Chưa được giao			
2	Khu công nghiệp Tiên Sơn và Khu công nghiệp Tiên Sơn mở rộng	UBND tỉnh Bắc Ninh	3.320.525,3	Quyết định đầu tư số 1129/QĐ-TTg ngày 18/12/1998 của Thủ Tướng Chính Phủ		Thực hiện trả tiền thuê đất trả tiền hàng năm	
			170.791,0	Hợp đồng thuê đất số: 81/HĐ-TĐ (HĐ điều chỉnh số 33 năm 2011)	Thuê đất trả tiền hàng năm trong 50 năm từ năm 1999 đến 2049		



VIGLACERA

BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN THOẢI VỐN NHÀ NƯỚC

STT	ĐỊA CHỈ LÔ ĐẤT	Đơn vị cấp/cho thuê đất	Diện tích đất được giao chủ đầu tư (m ²)	Hồ sơ pháp lý	Hình thức/ Thời hạn SD đất	Tình hình thực hiện nghĩa vụ tài chính của lô đất	Ghi chú
			207.387,0	Hợp đồng thuê đất số: 82/HĐ-TĐ (HĐ điều chỉnh số 34 năm 2011)	Thuê đất trả tiền hàng năm trong 50 năm từ năm 1999 đến 2049		
			40.392,0	Hợp đồng thuê đất số: 83/HĐ-TĐ (HĐ điều chỉnh số 35 năm 2011)	Thuê đất trả tiền hàng năm trong 50 năm từ năm 1999 đến 2049		
			232.785,1	Hợp đồng thuê đất số: 84/HĐ-TĐ (HĐ điều chỉnh số 36 năm 2011)	Thuê đất trả tiền hàng năm trong 50 năm từ năm 1999 đến 2049		
			50.654,0	Hợp đồng thuê đất số: 85/HĐ-TĐ (HĐ điều chỉnh số 37 năm 2011)	Thuê đất trả tiền hàng năm trong 50 năm từ năm 1999 đến 2049		
			280.130,0	Hợp đồng thuê đất số: 86/HĐ-TĐ (HĐ điều chỉnh số 38 năm 2011)	Thuê đất trả tiền hàng năm trong 50 năm từ năm 1999 đến 2049		
			220.610,0	Hợp đồng thuê đất số: 87/HĐ-TĐ (HĐ điều chỉnh số 39 năm 2011)	Thuê đất trả tiền hàng năm trong 50 năm từ năm 1999 đến 2049		
			176.109,8	Hợp đồng thuê đất số: 88/HĐ-TĐ (HĐ điều chỉnh số 40 năm 2011)	Thuê đất trả tiền hàng năm trong 50 năm từ năm 2004 đến 2054		
			392.289,0	Hợp đồng thuê đất số: 89/HĐ-TĐ (HĐ điều chỉnh số 41 năm 2011)	Thuê đất trả tiền hàng năm trong 50 năm từ năm 2004 đến 2054		

A+

STT	ĐỊA CHỈ LÔ ĐẤT	Đơn vị cấp/cho thuê đất	Diện tích đất được giao chủ đầu tư (m ²)	Hồ sơ pháp lý	Hình thức/ Thời hạn SD đất	Tình hình thực hiện nghĩa vụ tài chính của lô đất	Ghi chú
			212.360,1	Hợp đồng thuê đất số: 90/HĐ-TĐ (HĐ điều chỉnh số 42 năm 2011)	Thuê đất trả tiền hàng năm trong đó: 201.494,1 m ² thuê trong 50 năm từ năm 1999 đến 2049 và 10.866m ² thuê trong 50 năm từ năm 2006 đến 2056		
			293.381,0	Hợp đồng thuê đất số: 91/HĐ-TĐ (HĐ điều chỉnh số 43 năm 2011)	Thuê đất trả tiền hàng năm trong 50 năm từ năm 2006 đến 2056		
			603.717,0	Hợp đồng thuê đất số: 134/HĐ-TĐ (HĐ điều chỉnh số 44 năm 2011 diện tích 897098m ² - bao gồm diện tích của HĐ 43 - bị chồng lấn diện tích)	Thuê đất trả tiền hàng năm trong đó: 237.629 m ² thuê trong 45 năm từ năm 2004 đến 2049 và 366.088m ² thuê trong 50 năm từ năm 2006 đến 2056		
			70.173,3	Hợp đồng thuê đất số: 152/HĐ-TĐ năm 2009	Thuê đất trả tiền hàng năm trong 50 năm từ năm 1999 đến 2049		
			369.746,0	Chưa được giao			
3	ĐTXD và Kinh doanh kết cấu hạ tầng KCN Phong Điền - Viglacera huyện Phong	UBND tỉnh Thừa Thiên Huế	2.843.203,4	Giấy chứng nhận đầu tư số 31321000076 ngày 28/10/2014 của Ban quản lý các KCN tỉnh Thừa Thiên Huế		Thực hiện trả tiền thuê đất trả tiền hàng năm	



BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN THOẢI VỐN NHÀ NƯỚC

STT	ĐỊA CHỈ LÔ ĐẤT	Đơn vị cấp/cho thuê đất	Diện tích đất được giao chủ đầu tư (m2)	Hồ sơ pháp lý	Hình thức/ Thời hạn SD đất	Tình hình thực hiện nghĩa vụ tài chính của lô đất	Ghi chú
	Điền						
			236.721,4	QĐ giao đất Đợt 1: số 1894/QĐ-UBND ngày 21/9/2015 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế;	Thuê đất trả tiền hàng năm trong 49 năm từ năm 2015 đến 2064		
			403.657,0	QĐ giao đất Đợt 2: số 1323/QĐ-UBND ngày 17/6/2016 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế;	Thuê đất trả tiền hàng năm trong 48 năm từ năm 2016 đến 2064		
			2.202.825,0	Chưa được giao			
4	ĐTXD và Kinh doanh kết cấu hạ tầng KCN Yên Phong, huyện Yên Phong	UBND tỉnh Bắc Ninh	3.448.100,0	Quyết định thành lập và cho phép đầu tư số 303/TTg-CN ngày 20/02/2006 của Chính Phủ		Thực hiện trả tiền thuê đất trả tiền hàng năm	
			502.091,0	QĐ giao đất Đợt 1+2: số 2069/QĐ-CT ngày 17/10/2005 của UBND tỉnh Bắc Ninh	Thuê đất trả tiền hàng năm trong 50 năm từ năm 2005 đến 2055		
			481.511,0	QĐ giao đất Đợt 3: số 982/QĐ-UBND ngày 20/7/2006 của UBND tỉnh Bắc Ninh	Thuê đất trả tiền hàng năm trong 49 năm từ năm 2006 đến 2055		
			43.374,0	QĐ giao đất bổ sung Đợt 1+2+3: số 1627/QĐ-UBND ngày 13/12/2006 của UBND tỉnh Bắc	Thuê đất trả tiền hàng năm trong 49 năm từ năm 2006 đến 2055		



BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN THOẢI VỐN NHÀ NƯỚC

STT	ĐỊA CHỈ LÔ ĐẤT	Đơn vị cấp/cho thuê đất	Diện tích đất được giao chủ đầu tư (m2)	Hồ sơ pháp lý	Hình thức/ Thời hạn SD đất	Tình hình thực hiện nghĩa vụ tài chính của lô đất	Ghi chú
				Ninh			
			12.010,0	QĐ giao đất Đợt 4: số 899/QĐ-UBND ngày 04/7/2007 của UBND tỉnh Bắc Ninh	Thuê đất trả tiền hàng năm trong 48 năm từ năm 2007 đến 2055		
			857.034,0	QĐ giao đất Đợt 5: số 1432/QĐ-UBND ngày 23/10/2007 của UBND tỉnh Bắc Ninh	Thuê đất trả tiền hàng năm trong 48 năm từ năm 2007 đến 2055		
			1.244.764,0	QĐ giao đất Đợt 6: số 790/QĐ-UBND ngày 24/6/2008 của UBND tỉnh Bắc Ninh	Thuê đất trả tiền hàng năm trong 47 năm từ năm 2007 đến 2055		
			24.723,8	QĐ giao đất Đợt 6.2: số 53/QĐ-UBND ngày 09/2/2017 của UBND tỉnh Bắc Ninh	Thuê đất trả tiền hàng năm trong 38 năm từ năm 2017 đến 2055		
			100.642,5	QĐ giao đất Đợt 7.1: số 453/QĐ-UBND ngày 01/9/2017 của UBND tỉnh Bắc Ninh	Thuê đất trả tiền hàng năm trong 38 năm từ năm 2017 đến 2055		
			13.557,8	QĐ giao đất Đợt 7.2: số 475/QĐ-UBND ngày 14/9/2017 của UBND tỉnh Bắc Ninh	Thuê đất trả tiền hàng năm trong 38 năm từ năm 2017 đến 2055		
			74.100,5	QĐ giao đất Đợt 7.3: số 378/QĐ-UBND ngày 19/7/2018 của UBND tỉnh Bắc Ninh	Thuê đất trả tiền hàng năm trong 37 năm từ năm 2018 đến 2055		

STT	ĐỊA CHỈ LÔ ĐẤT	Đơn vị cấp/cho thuê đất	Diện tích đất được giao chủ đầu tư (m ²)	Hồ sơ pháp lý	Hình thức/ Thời hạn SD đất	Tình hình thực hiện nghĩa vụ tài chính của lô đất	Ghi chú
			16.039,3	QĐ giao đất Đợt 7.4: số 387/QĐ-UBND ngày 23/7/2018 của UBND tỉnh Bắc Ninh	Thuê đất trả tiền hàng năm trong 37 năm từ năm 2018 đến 2055		
			78.252,1	Chưa được giao			
5	Khu công nghiệp Hải yên tại Phường hải Yên thành phố Móng Cái tỉnh Quảng Ninh	UBND tỉnh Quảng Ninh	1.824.200,0	Quyết định đầu tư số 3867/QĐ-UBND ngày 14/10/2005 của UBND tỉnh Quảng Ninh		Thực hiện trả tiền thuê đất trả tiền hàng năm	
			334.155,8	QĐ giao đất Đợt 1: số 5760/QĐ-CT ngày 19/12/2007 của UBND tỉnh Quảng Ninh	Thuê đất trả tiền hàng năm trong 50 năm từ năm 2007 đến 2057		
			263.142,0	QĐ giao đất Đợt 2: số 2851/QĐ-CT ngày 02/11/2012 của UBND tỉnh Quảng Ninh (và thu lại 5.841,76m ² của Đợt 1)	Thuê đất trả tiền hàng năm trong 45 năm từ năm 2012 đến 2057		
			(40.444,9)	QĐ thu lại đất giao Công ty Texhong xây nhà CN: số 1872/QĐ-CT ngày 27/12/2012 của UBND tỉnh Quảng Ninh			
			(3.815,3)	QĐ thu lại đất giao cho cty texhong xây dựng trạm biến áp 110kW: số 2464/QĐ-CT ngày			

STT	ĐỊA CHỈ LÔ ĐẤT	Đơn vị cấp/cho thuê đất	Diện tích đất được giao chủ đầu tư (m ²)	Hồ sơ pháp lý	Hình thức/ Thời hạn SD đất	Tình hình thực hiện nghĩa vụ tài chính của lô đất	Ghi chú
				18/10/2012 của UBND tỉnh Quảng Ninh			
			1.226.902,2	Chưa được giao			
6	Khu công nghiệp đồng văn IV huyện Kim Bảng	UBND tỉnh Hà Nam	3.002.700,0	Giấy chứng nhận đầu tư số 1138634252 ngày 05/8/2016 của Ban quản lý các KCN tỉnh Hà Nam		Thực hiện trả tiền thuê đất trả tiền hàng năm	
			268.549,0	QĐ giao đất Đợt 1: số 1619/QĐ-UBND ngày 17/10/2016 của UBND tỉnh Hà Nam;	Thuê đất trả tiền hàng năm trong 50 năm từ năm 2016 đến 2066		
			513.510,0	QĐ giao đất Đợt 2: số 2444/QĐ-UBND ngày 30/12/2016 của UBND tỉnh Hà Nam;	Thuê đất trả tiền hàng năm trong 50 năm từ năm 2016 đến 2066		
			162.703,0	QĐ giao đất Đợt 3: số 315/QĐ-UBND ngày 08/2/2018 của UBND tỉnh Hà Nam;	Thuê đất trả tiền hàng năm trong 48 năm từ năm 2019 đến 2066		
			660.060,0	QĐ giao đất Đợt 4: số 242/QĐ-UBND ngày 28/1/2019 của UBND tỉnh Hà Nam;	Thuê đất trả tiền hàng năm trong 47 năm từ năm 2019 đến 2066		
			1.397.878,0	Chưa được giao			
7	ĐTXD và kinh doanh kết cấu hạ tầng KCN Phú	UBND tỉnh Phú	3.500.900,0	Giấy chứng nhận đầu tư số 18221000114 ngày 10/12/2014 của Ban quản lý các KCN tỉnh		Thực hiện trả tiền thuê đất trả tiền	



BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN THOẢI VỐN NHÀ NƯỚC

STT	ĐỊA CHỈ LÔ ĐẤT	Đơn vị cấp/cho thuê đất	Diện tích đất được giao chủ đầu tư (m2)	Hồ sơ pháp lý	Hình thức/ Thời hạn SD đất	Tình hình thực hiện nghĩa vụ tài chính của lô đất hàng năm	Ghi chú
	Hà giai đoạn I tại Thị xã Phú Thọ	Thọ		Phú Thọ			
			518.128,6	QĐ giao đất Đợt 1: số 2898/QĐ-UBND ngày 26/11/2015 của UBND tỉnh Phú Thọ	Thuê đất trả tiền hàng năm trong 50 năm từ năm 2015 đến 2065		
			408.143,6	QĐ giao đất Đợt 2.1: số 1188/QĐ-UBND ngày 24/5/2017 của UBND tỉnh Phú Thọ	Thuê đất trả tiền hàng năm trong 48 năm từ năm 2015 đến 2065		
			2.574.627,8	Chưa được giao			
8	ĐT XD và kinh doanh kết cấu hạ tầng KCN Tiên Hải	UBND tỉnh Thái Bình	4.655.126,0	Giấy chứng nhận đầu tư số 5632787682 ngày 19/01/2016 và Giấy chứng nhận đầu tư số số 260653148 ngày 19/7/2017 của Ban quản lý các KCN tỉnh Thái Bình			
			256.482,0	QĐ giao đất Đợt 1: số 260/QĐ-UBND ngày 20/1/2017 và số 563/QĐ-UBND ngày 13/2/2108 của UBND tỉnh Thái Bình;	Thuê đất trả tiền hàng năm trong 48 năm từ năm 2017 đến 2065		
			2.272.624,0	Chưa được giao			
			2.126.020,0	Đất KCN hiện hữu			
9	ĐT XD và Kinh doanh kết cấu hạ tầng	UBND tỉnh	3.139.000,0	Giấy chứng nhận đầu tư số 8301278388 ngày 15/11/2016 của		Thực hiện trả tiền thuê	

Handwritten signature

STT	ĐỊA CHỈ LÔ ĐẤT	Đơn vị cấp/cho thuê đất	Diện tích đất được giao chủ đầu tư (m2)	Hồ sơ pháp lý	Hình thức/ Thời hạn SD đất	Tình hình thực hiện nghĩa vụ tài chính của lô đất	Ghi chú
	tăng mở rộng KCN Yên Phong, huyện Yên Phong	Bắc Ninh		Ban quản lý các KCN tỉnh Bắc Ninh		đất trả tiền hàng năm	
			242.112,9	QĐ giao đất Đợt 1: số 45/QĐ-UBND ngày 06/02/2017 của UBND tỉnh Bắc Ninh;	Thuê đất trả tiền hàng năm trong 49 năm từ năm 2017 đến 2066		
			143.446,7	QĐ giao đất Đợt 2: số 115/QĐ-UBND ngày 23/3/2017 của UBND tỉnh Bắc Ninh;	Thuê đất trả tiền hàng năm trong 49 năm từ năm 2017 đến 2066		
			189.557,3	QĐ giao đất Đợt 3: số 163/QĐ-UBND ngày 20/4/2017 của UBND tỉnh Bắc Ninh;	Thuê đất trả tiền hàng năm trong 49 năm từ năm 2017 đến 2066		
			25.628,1	QĐ giao đất Đợt 4: số 118/QĐ-UBND ngày 13/2/2018 của UBND tỉnh Bắc Ninh	Thuê đất trả tiền hàng năm trong 48 năm từ năm 2018 đến 2066		
			37.284,8	QĐ giao đất Đợt 5: số 119/QĐ-UBND ngày 13/2/2018 của UBND tỉnh Bắc Ninh	Thuê đất trả tiền hàng năm trong 48 năm từ năm 2018 đến 2066		
			304.344,7	QĐ giao đất Đợt 6: số 184/QĐ-UBND ngày 12/4/2018 của UBND tỉnh Bắc Ninh	Thuê đất trả tiền hàng năm trong 48 năm từ năm 2018 đến 2066		
			356.090,5	QĐ giao đất Đợt 7: số 182/QĐ-UBND ngày 12/4/2018 của	Thuê đất trả tiền hàng năm trong 48 năm từ năm 2018		

STT	ĐỊA CHỈ LÔ ĐẤT	Đơn vị cấp/cho thuê đất	Diện tích đất được giao chủ đầu tư (m2)	Hồ sơ pháp lý	Hình thức/ Thời hạn SD đất	Tình hình thực hiện nghĩa vụ tài chính của lô đất	Ghi chú
				UBND tỉnh Bắc Ninh	đến 2066		
			64.889,7	QĐ giao đất Đợt 8: số 183/QĐ-UBND ngày 12/4/2018 của UBND tỉnh Bắc Ninh	Thuê đất trả tiền hàng năm trong 48 năm từ năm 2018 đến 2066		
			77.631,9	QĐ giao đất Đợt 9: số 384/QĐ-UBND ngày 20/7/2018 của UBND tỉnh Bắc Ninh	Thuê đất trả tiền hàng năm trong 48 năm từ năm 2018 đến 2066		
			1.377,4	QĐ giao đất Đợt 10: số 520/QĐ-UBND ngày 14/9/2018 của UBND tỉnh Bắc Ninh	Thuê đất trả tiền hàng năm trong 48 năm từ năm 2018 đến 2066		
			1.696.636,0	Chưa được giao			
10	Dự án Khu Đô thị mới Đặng xá huyện Gia Lâm, Hà Nội.	UBND Thành phố Hà Nội	296.541,10	- Quyết định số 907/QĐ-UBND ngày 25/02/2009 của UBND TP.Hà Nội về việc cho Tổng công ty Thủy tinh và gốm xây dựng được sử dụng chính thức 305.951 m2 đất tại các xã Cổ Bi, Đặng Xá, Phú Thị huyện Gia Lâm để thực hiện Dự án đầu tư xây dựng Khu đô thị mới Đặng Xá.		Đã hoàn thành nghĩa vụ tài chính	
	Đất xây dựng công trình công cộng đơn vị ở		9.687,20		Giao đất 50 năm trả tiền 1 lần từ năm 2009 đến năm 2059		
	Đất ở		100.827,80		Giao đất lâu dài trả tiền một lần		
	Đất được nhà nước giao xây dựng nhà thu nhập		30.681,00	- Quyết định số 5314/QĐ-UBND ngày 15/ 10/ 2009 của UBND TP.Hà Nội về việc điều chỉnh một	Giao đất, không thu tiền sử dụng đất		

STT	ĐỊA CHỈ LÔ ĐẤT	Đơn vị cấp/cho thuê đất	Diện tích đất được giao chủ đầu tư (m ²)	Hồ sơ pháp lý	Hình thức/ Thời hạn SD đất	Tình hình thực hiện nghĩa vụ tài chính của lô đất	Ghi chú
	thấp thuộc quỹ đất 20%			số nội dung ghi tại Điều 2 Quyết định số 907/QĐ-UBND ngày 25/02/2009 của UBND TP.Hà Nội.			
	Đất xây dựng nhà trả, mẫu giáo trường tiểu học, trung học		25.832,10	- Quyết định số 5020/QĐ-UBND ngày 11/10/2010 về việc điều chỉnh diện tích đất thực hiện Dự án KĐT Đặng XÁ, huyện Gia Lâm tại Quyết định số 907/QĐ-UBND ngày 25/02/2009 của UBND Thành phố Hà Nội.	Giao đất, không thu tiền sử dụng đất		
	Đất xây dựng hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung		129.513,00		Giao đất, không thu tiền sử dụng đất		
11	Dự án khu Đô thị mới Đặng Xá 2 tại Xã Đặng Xá huyện Gia Lâm, Hà Nội	UBND Thành phố Hà Nội	390.226,00	'Quyết định số 3935/QĐ-UBND ngày 30/08/2011 của UBND Thành Phố Hà Nội về việc thu hồi 51.942,6 m ² đất và giao 390.226 m ² đất tại các xã Đặng Xá, Cổ Bi, Phú Thị huyện Gia Lâm cho Tổng công ty Viglacera để thực hiện dự án đầu tư xây dựng Khu đô thị mới Đặng Xá.		Đã hoàn thành nghĩa vụ tài chính	
	Đất Văn phòng, thương mại, Đất để XD các công trình hỗn hợp (DV VP kết hợp VP cho thuê)		37.170,00		Giao đất 50 năm trả tiền 1 lần từ năm 2011 đến năm 2061		
	Đất nhà thấp tầng		73.140,00		Giao đất lâu dài trả tiền một		



BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN THOẢI VỐN NHÀ NƯỚC

STT	ĐỊA CHỈ LÔ ĐẤT	Đơn vị cấp/cho thuê đất	Diện tích đất được giao chủ đầu tư (m ²)	Hồ sơ pháp lý	Hình thức/ Thời hạn SD đất	Tình hình thực hiện nghĩa vụ tài chính của lô đất	Ghi chú
					lần		
	Đất ở cao tầng xây dựng nhà xã hội để bán		62.309,00		Giao đất, không thu tiền sử dụng đất		
	Đất bãi đỗ xe		3.866,00		Giao đất 50 năm trả tiền hàng năm từ năm 2011 đến năm 2061		
	Đất 20% để xây dựng nhà thu nhập thấp		37.070,00		Giao đất, không thu tiền sử dụng đất		
	Đất cây xanh, thể thao, giao thông		122.076,00		Giao đất, không thu tiền sử dụng đất		
	Đất giáo dục		54.595,00		Giao đất, không thu tiền sử dụng đất		
12	Dự án Khu chức năng đô thị Xuân Phương (giai đoạn 1)	UBND Thành phố Hà Nội	114.611,00	Quyết định số 3848/QĐ-UBND ngày 23/08/2011 v/v thu hồi 114.611 đất tại xã Xuân Phương, huyện Từ Liêm do Công ty cổ phần VI GLACERA Hữu Hưng quản lý; giao Tổng công ty VI GLACERA để thực hiện dự án Đầu tư xây dựng Khu chức năng đô thị Xuân Phương (giai đoạn 1).		Đã hoàn thành nghĩa vụ tài chính	
	Đất xây dựng công trình văn phòng, trung tâm thương mại, dịch vụ		1.521,00		Giao đất 50 năm trả tiền 1 lần từ năm 2011 đến năm 2061		



VIGLACERA

BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN THOẢI VỐN NHÀ NƯỚC

STT	ĐỊA CHỈ LÔ ĐẤT	Đơn vị cấp/cho thuê đất	Diện tích đất được giao chủ đầu tư (m2)	Hồ sơ pháp lý	Hình thức/ Thời hạn SD đất	Tình hình thực hiện nghĩa vụ tài chính của lô đất	Ghi chú
	Đất ở cao tầng (một phần lô đất) thuộc quỹ đất 20% trả thành phố		7.968,00		Giao đất, không thu tiền sử dụng đất		
	Đất ở		43.754,00		Giao đất lâu dài trả tiền một lần		
	Đất làm bãi đỗ xe, đất xây dựng công trình dịch vụ công cộng, hành chính, đơn vị ở, y tế, trường mầm non		2.347,00		Giao đất 50 năm trả tiền hàng năm từ năm 2011 đến năm 2061		
	Đất giao thông, đường nội bộ, Đất mặt nước, cây xanh		59.021,00		Giao đất, không thu tiền sử dụng đất		
	Dự án Khu chức năng đô thị Xuân Phương (giai đoạn 2)	UBND Thành phố Hà Nội	30.719,70	- Quyết định giao đất số 4573/QĐ-UBND ngày 13/07/2017 của UBND TP Hà Nội		Đã hoàn thành nghĩa vụ tài chính	
	Nhà ở		3.017,40		Giao đất lâu dài trả tiền một lần		
	Quỹ đất 20% bàn giao cho TP		3.339,20		Giao đất không thu tiền sử dụng đất		

A

STT	ĐỊA CHỈ LÔ ĐẤT	Đơn vị cấp/cho thuê đất	Diện tích đất được giao chủ đầu tư (m ²)	Hồ sơ pháp lý	Hình thức/ Thời hạn SD đất	Tình hình thực hiện nghĩa vụ tài chính của lô đất	Ghi chú
	Công trình công cộng, dịch vụ		532,40		Giao đất không thu tiền sử dụng đất		
	Đất bãi xe		1.317,80		Giao đất 50 năm trả tiền hàng năm từ năm 2017 đến năm 2067		
	Đất trường học		9.843,10		Giao đất không thu tiền sử dụng đất		
	Đất giao thông, đường nội bộ		12.669,80		Giao đất không thu tiền sử dụng đất		
13	Dự án tổ hợp Văn phòng thương mại, khách sạn, nhà ở để bán tại Quận Cầu Giấy và Quận Nam Từ Liêm, Hà Nội	UBND Thành phố Hà Nội	38.719,00	Quyết định số 471/QĐ-UBND ngày 01/9/2008 của UBND TP. Hà Nội v/v thu hồi 39.062m ² đất giao cho Tổng công ty sử dụng để thực hiện Dự án Tổ hợp Văn phòng thương mại, khách sạn và nhà ở để bán; Quyết định số 3575/QĐ-UBND ngày 13/6/2017 của UBND thành phố Hà Nội		Đã hoàn thành nghĩa vụ tài chính	
	Đất khu chung cư cao tầng		16.983,00		Giao đất lâu dài trả tiền một lần		
	Đất văn phòng khách sạn		19.633,00		Giao đất 50 năm trả tiền một lần kể từ ngày 2008 đến năm 2058		
	Đất nằm trong chỉ giới mở đường,		2.103,00		Giao đất để quản lý, không thu tiền sử dụng đất		

STT	ĐỊA CHỈ LÔ ĐẤT	Đơn vị cấp/cho thuê đất	Diện tích đất được giao chủ đầu tư (m2)	Hồ sơ pháp lý	Hình thức/ Thời hạn SD đất	Tình hình thực hiện nghĩa vụ tài chính của lô đất	Ghi chú
	giao để quản lý						
14	Khu nhà ở và dịch vụ khu công nghiệp yên phong (tại xã Đông Tiến, xã Long châu huyện Yên Phong).	UBND tỉnh Bắc Ninh	192.478,00	Quyết định số 141/QĐ-UBND ngày 5/4/2017 của UBND tỉnh Bắc Ninh về việc chấp thuận chủ trương đầu tư dự án khu nhà ở thương mại KCN Yên Phong để hoàn trả vốn thanh toán Dự án Đầu tư xây dựng tuyến đường phía bắc (Tuyến số 1) Khu tổ hợp SaamSung KCN Yên Phong theo Hình thức hợp đồng BT			
	Giao đất đợt 1		95.363,00	Quyết định số 758/QĐ-UBND ngày 27/12/2017 của UBND tỉnh bắc Ninh	Giao đất không thu tiền sử dụng đất	Đã hoàn thành nghĩa vụ tài chính	
			97.115,00	Chưa được giao đất			
15	Dự án Khu nhà ở Đại Mỗ	UBND Thành phố Hà Nội	20.950,00	Quyết định số 2884/QĐ-UBND ngày 12/06/2009 v/v thu hồi 20.950 m2 đất tại xã Đại Mỗ, huyện Từ Liêm; giao cho Tổng công ty Thủy tinh và Gốm xây		Đã hoàn thành nghĩa vụ tài chính	

STT	ĐỊA CHỈ LÔ ĐẤT	Đơn vị cấp/cho thuê đất	Diện tích đất được giao chủ đầu tư (m2)	Hồ sơ pháp lý	Hình thức/ Thời hạn SD đất	Tình hình thực hiện nghĩa vụ tài chính của lô đất	Ghi chú
				dựng - Viglacera để thực hiện đầu tư xây dựng Dự án "Khu nhà ở Đại Mỗ".			
	Đất ở		8.280,00		Giao đất lâu dài trả tiền một lần		
	Đất xây dựng công trình hỗn hợp và nhà chung cư cho người có thu nhập thấp thuộc quỹ đất 20%		2.467,00		Giao đất, không thu tiền sử dụng đất		
	Đất xây dựng nhà trẻ		639,00		Giao đất 50 năm trả tiền hàng năm từ năm 2009 đến năm 2059		
	Đất đường giao thông, cây xanh, hạ tầng kỹ thuật		9.564,00		Giao đất, không thu tiền sử dụng đất		
16	Dự án Tổ hợp thương mại, văn phòng và căn hộ (giai đoạn 1) _ Nhà chung cư cao cấp 9 tầng tại	UBND Tỉnh Bắc Ninh	6.705,30	'- Quyết định số 02/QĐ-UBND ngày 04/01/2018 của UBND tỉnh Bắc Ninh về việc chuyển đổi hình thức sử dụng đất		Đã hoàn thành nghĩa vụ tài chính	



BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN THOẢI VỐN NHÀ NƯỚC

STT	ĐỊA CHỈ LÔ ĐẤT	Đơn vị cấp/cho thuê đất	Diện tích đất được giao chủ đầu tư (m2)	Hồ sơ pháp lý	Hình thức/ Thời hạn SD đất	Tình hình thực hiện nghĩa vụ tài chính của lô đất	Ghi chú
	Ngã 6, Bắc Ninh						
	Đất xây dựng công trình		615,00		Giao đất lâu dài trả tiền một lần		
	Đất xây dựng sân, đường và cây xanh		5.628,80		Giao đất không thu tiền sử dụng đất		
	Đất bãi đỗ xe		461,50		Giao thuê đất, trả tiền hàng năm đến năm 2/2054		
	Dự án Tổ hợp thương mại, văn phòng và căn hộ (giai đoạn 2) tại Ngã 6, Bắc Ninh	UBND Tỉnh Bắc Ninh	3.866,40	- Quyết định số 488/QĐ-UBND ngày 27/11/2015 của UBND tỉnh Bắc Ninh và Quyết định điều chỉnh số 541/QĐ-UBND ngày 21/12/2015	Giao đất 50 năm trả tiền 1 lần từ năm 2004 đến năm 2054		
17	Dự án Khu chức năng đô thị Tây Mỗ	UBND Thành phố Hà Nội	85.904,00	Quyết định số 6473/QĐ-UBND ngày 10/12/2009 v/v thu hồi 85.904 đất tại xã Đại Mỗ và xã Tây Mỗ, huyện Từ Liêm giao Tổng công ty Thủy tinh và Gốm xây dựng để thực hiện dự án Đầu tư xây dựng Khu chức năng đô thị Tây Mỗ.		Đã hoàn thành nghĩa vụ tài chính	
	Đất xây dựng nhà		4.665,00		Giao đất 50 năm trả tiền hàng		

STT	ĐỊA CHỈ LÔ ĐẤT	Đơn vị cấp/cho thuê đất	Diện tích đất được giao chủ đầu tư (m2)	Hồ sơ pháp lý	Hình thức/ Thời hạn SD đất	Tình hình thực hiện nghĩa vụ tài chính của lô đất	Ghi chú
	trẻ và công trình công cộng				năm từ năm 2009 đến năm 2059		
	Đất nhà ở		30.613,00		Giao đất lâu dài trả tiền một lần		
	Đất xây dựng nhà ở cao tầng (đất xây dựng nhà ở xã hội)		7.381,00		Giao đất, không thu tiền sử dụng đất		
	Đất cây xanh, đường nội bộ, hạ tầng kỹ thuật (giao đất không thu tiền SD đất)		43.245,00		Giao đất, không thu tiền sử dụng đất		
18	LÔ ĐẤT TẠI 671 HOÀNG HOA THÁM, PHƯỜNG VĨNH PHÚC, QUẬN BA ĐÌNH, TP. HÀ NỘI		28.157,40	- Quyết định số 622/QĐ-TTg ngày 9/6/1999 của Thủ tướng Chính phủ v/v giao đất cho Cty Đầu tư phát triển Hạ tầng (thuộc TCty Thủy tinh và gốm Xây dựng) để xây dựng Trường đào tạo công nhân và bồi dưỡng CB VLXD tại TP Hà Nội;			
18.1	Chuyển mục đích sử dụng đất để thực hiện dự án	UBND Thành phố Hà	6.514,70	Quyết định số 3513/QĐ-UB ngày 7/6/2004 của UBND Thành phố Hà Nội	Giao đất lâu dài trả tiền một lần	Đã hoàn thành nghĩa vụ tài chính	

STT	ĐỊA CHỈ LÔ ĐẤT	Đơn vị cấp/cho thuê đất	Diện tích đất được giao chủ đầu tư (m2)	Hồ sơ pháp lý	Hình thức/ Thời hạn SD đất	Tình hình thực hiện nghĩa vụ tài chính của lô đất	Ghi chú
	xây dựng công trình dịch vụ và nhà ở cao tầng để bán (giai đoạn 1)	Nội					
18.2	Chuyển mục đích sử dụng đất để thực hiện dự án xây dựng tòa nhà 21 tầng - tổ hợp văn phòng siêu thị dịch vụ và nhà ở cao tầng và nhà ở cao tầng để bán (giai đoạn II)	UBND Thành phố Hà Nội	2.764,70	- Quyết định số 5090/QĐ-UBND ngày 24/12/2007 của UBND TP. Hà Nội	Giao đất lâu dài trả tiền một lần	Đã hoàn thành nghĩa vụ tài chính	
18.3	Chuyển mục đích sử dụng đất để thực hiện dự án đầu tư xây dựng khu nhà ở và công trình công cộng thể thao.	UBND Thành phố Hà Nội	7.280,00	Quyết định số 2824/QĐ-UBND ngày 26/04/2013 v/v Cho phép Tổng công ty Viglacera chuyển mục đích sử dụng 7.280,4 m ² đất tại số 671 Hoàng Hoa Thám, phường Vĩnh Phúc, quận Ba Đình để thực hiện dự án đầu tư xây dựng khu nhà ở và công trình công cộng - thể thao. QĐ số 6295/UBND ngày 18/11/2015 về		Đã hoàn thành nghĩa vụ tài chính	
	Đất xây dựng công trình công cộng thể thao,		2.362,20		Giao đất 50 năm trả tiền 1 lần từ năm 2013 đến năm 2068		

STT	ĐỊA CHỈ LÔ ĐẤT	Đơn vị cấp/cho thuê đất	Diện tích đất được giao chủ đầu tư (m2)	Hồ sơ pháp lý	Hình thức/ Thời hạn SD đất	Tình hình thực hiện nghĩa vụ tài chính của lô đất	Ghi chú
	đường dạo và cây xanh			điều chỉnh một số nội dung tại QĐ số 2824/QĐ-UBND ngày 16/04/2013			
	Đất xây dựng công trình nhà thấp tầng		3.785,50		Giao đất lâu dài trả tiền một lần		
	Đất xây dựng tầng hầm phía dưới, đất giao thông		1.132,30		Giao đất, không thu tiền sử dụng đất		
18.4	Đất lưu không		11.598,00		Giao đất để quản lý, không thu tiền sử dụng đất		
19	Dự án Khu nhà ở và dịch vụ cho CBCNV Khu công nghiệp Yên Phong	UBND Tỉnh Bắc Ninh	510.505,00	Giấy chứng nhận đầu tư số 21121000207 ngày 28/5/2017 do UBND tỉnh Bắc Ninh cấp			
	Giao đất đợt 1		320.971,00	Quyết định số 224/QĐ-UBND ngày 29/6/2015 của UBND tỉnh Bắc Ninh; Quyết định số 686/QĐ-UBND ngày 21/11/2018 của UBND tỉnh Bắc Ninh			
	Đất ở		94.134,30		Giao đất lâu dài trả tiền một lần	Đã hoàn thành nghĩa vụ tài chính 18.463 m2	



BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN THOẢI VỐN NHÀ NƯỚC

STT	ĐỊA CHỈ LÔ ĐẤT	Đơn vị cấp/cho thuê đất	Diện tích đất được giao chủ đầu tư (m2)	Hồ sơ pháp lý	Hình thức/ Thời hạn SD đất	Tình hình thực hiện nghĩa vụ tài chính của lô đất	Ghi chú
	Đất thương mại dịch vụ		90.900,80		Giao đất trả tiền thuê đất hàng năm đến ngày 30/12/2058	Chưa hoàn thành nghĩa vụ tài chính	
	Đất cây xanh công viên mặt nước		135.935,90		Giao đất không thu tiền sử dụng đất		
			189.534,00	Chưa được giao			
20	Dự án Khu dịch vụ và chung cư khu công nghiệp Tiên Sơn tại xã Hoàn Sơn, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh.	UBND Tỉnh Bắc Ninh	249.625,30	Quyết định số 64/QĐ-SXD ngày 21/5/2013 của Sở Xây dựng Bắc Ninh; Quyết định số 214/QĐ-UBND ngày 14/06/2013 của UBND tỉnh Bắc Ninh		Đã hoàn thành nghĩa vụ tài chính	
	Đất xây dựng nhà vườn, biệt thự		61.653,00		Giao đất lâu dài trả tiền một lần		
	Đất xây dựng nhà chung cư cao tầng		53.616,00		Giao đất, không thu tiền sử dụng đất		
	Đất thể dục thể thao, đất công cộng dịch vụ		24.185,00		Thuê đất trả tiền hàng năm		
	Đất trường học, công trình kỹ thuật, cây xanh,		110.171,30		Giao đất, không thu tiền sử dụng đất		



BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN THOÁI VỐN NHÀ NƯỚC

STT	ĐỊA CHỈ LÔ ĐẤT	Đơn vị cấp/cho thuê đất	Diện tích đất được giao chủ đầu tư (m ²)	Hồ sơ pháp lý	Hình thức/ Thời hạn SD đất	Tình hình thực hiện nghĩa vụ tài chính của lô đất	Ghi chú
	mương nước, hành lang quốc lộ						
21	Lô đất khu dân cư dịch vụ Tân Bình tại xã Tân Bình thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương.	UBND tỉnh Bình Dương	5.048,00	'Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất KDC-Dịch vụ Tân Bình lô IV.5B từ 1-25 và 52-76 ngày 29/09/2010 giữa CTCP xây dựng - tư vấn - đầu tư Bình Dương và Công ty kinh nội Viglacera, thời hạn sử dụng lâu dài. Đơn giá: 2.415.000 đồng/m ² gồm VAT và phí làm CNQSDĐ là 120.000.000 đồng. Quyết định số 654/QĐ-UBND ngày 14/3/2012 về việc phê duyệt đơn giá để thực hiện cổ phần hóa doanh nghiệp đối với các lô đất xây dựng nhà ở công nhân của Tổng công ty Viglacera tại Khu dân cư - Dịch vụ Tân Bình.	Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất. Đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Thời hạn sử dụng đất: lâu dài.	Đã hoàn thành nghĩa vụ tài chính	Đất nhận chuyển nhượng QSD đất

STT	ĐỊA CHỈ LÔ ĐẤT	Đơn vị cấp/cho thuê đất	Diện tích đất được giao chủ đầu tư (m ²)	Hồ sơ pháp lý	Hình thức/ Thời hạn SD đất	Tình hình thực hiện nghĩa vụ tài chính của lô đất	Ghi chú
22	Lô đất khu dân cư dịch vụ Tân Bình tại xã Tân Bình thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương.	UBND tỉnh Bình Dương	7.829,70	Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 16/11/2011 giữa CTCP xây dựng - tư vấn - đầu tư Bình Dương và Công ty kính nổi Viglacera, thời hạn sử dụng lâu dài. Đơn giá: 2.976.000 đồng/m ² gồm VAT và phí làm CNQSDD là 236.000.000 đồng. Quyết định số 654/QĐ-UBND ngày 14/3/2012 về việc phê duyệt đơn giá để thực hiện cổ phần hóa doanh nghiệp đối với các lô đất xây dựng nhà ở công nhân của Tổng công ty Viglacera tại Khu dân cư - Dịch vụ Tân Bình	Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất. Đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Thời hạn sử dụng đất: lâu dài.	Đã hoàn thành nghĩa vụ tài chính	Đất nhận chuyển nhượng QSD đất
23	Lô đất xây dựng nhà máy tại Phường Tây Mỗ quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội	UBND Thành phố Hà Nội	11.989,00	Quyết định số 4502/QĐ-UB ngày 1/7/2005 của UBND Thành phố Hà Nội . - Hợp đồng thuê đất số 121-2005/TNMTNĐ-HĐTĐTN ngày 11/8/2005 - Phụ lục hợp đồng thuê đất số 296/HĐTĐ-PL1-STNMT-CCQLĐĐ ngày 8/6/2018 của UBND Thành phố Hà Nội điều	Nhà nước cho thuê 11.899 m ² trong đó: 11.451,5 m ³ đất đã xây dựng công trình, thời hạn thuê là 30 năm kể từ ngày 1/7/2005 đến 1/7/2035; 447,5 m ² đất để mở đường theo quy hoạch không được xây dựng công trình, Nhà nước thu hồi phải trả lại theo quy định. Đã ký Hợp đồng	Thuê đất trả tiền hàng năm	

STT	ĐỊA CHỈ LÔ ĐẤT	Đơn vị cấp/cho thuê đất	Diện tích đất được giao chủ đầu tư (m2)	Hồ sơ pháp lý	Hình thức/ Thời hạn SD đất	Tình hình thực hiện nghĩa vụ tài chính của lô đất	Ghi chú
				chỉnh tên bên thuê đất từ "Công ty thiết bị vệ sinh Việt Ý - Viglacera" thành "Tổng Công ty Viglacera - CTCP" và điều chỉnh đơn giá thuê đất.	thuê đất		
24	Lô đất tại phường Thanh Trì, quận Hoàng Mai Hà Nội	UBND Thành phố Hà Nội	10.091,00	<p>Quyết định số 6414/QĐ-UB ngày 29/10/2001 của UBND thành phố về việc giao đất.</p> <p>- Hợp đồng thuê đất số 01-2002/ĐCND-HĐTĐTN ngày 07/01/2002</p> <p>- Quyết định số 695/QĐ-BXD ngày 26/7/2012 của Bộ xây dựng</p>	<p>Nhà nước cho thuê 10.091 m2 trong đó: 9.681 m2 đất đã xây dựng công trình, thời hạn thuê là 30 năm kể từ ngày 29/10/2011 đến 29/10/2041; 241 m2 đất là hành lang bảo vệ mương, không được xây dựng công trình, thời hạn thuê là 30 năm từ 29/10/2011 đến 29/10/2041; 169 m2 đất tạm giao để làm đường, thuê hàng năm, khi Nhà nước làm đường quy hoạch phải bàn giao lại . Đã ký Hợp đồng thuê đất, chưa đổi tên sang Tổng công ty Viglacera - CTCP</p>	Thuê đất trả tiền hàng năm	Đang làm thủ tục đổi tên sang Tổng công ty Viglacera - CTCP



BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN THOẢI VỐN NHÀ NƯỚC

STT	ĐỊA CHỈ LÔ ĐẤT	Đơn vị cấp/cho thuê đất	Diện tích đất được giao chủ đầu tư (m2)	Hồ sơ pháp lý	Hình thức/ Thời hạn SD đất	Tình hình thực hiện nghĩa vụ tài chính của lô đất	Ghi chú
25	Lô đất tại xã Mai Lâm huyện Đông Anh và thị trấn Yên Viên huyện Gia Lâm Hà Nội.	UBND Thành phố Hà Nội	16.901,00	Quyết định số 695/QĐ-BXD ngày 26/07/2012 của BXD, Văn bản Số 3553/UBND-TNMT ngày 21/05/2013 của UBND TP Hà Nội, Văn bản số 8568/BTC-QLCS ngày 26/6/2012 của Bộ Tài chính	Lô đất nằm ngoài đê phía bờ sông Đuống trong vùng quy hoạch bảo vệ đê.	Thuê đất trả tiền hàng năm	Đang làm thủ tục để ký Hợp đồng thuê đất.
26	Lô đất tại khu sản xuất Tân đông hiệp thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương.	UBND tỉnh Bình Dương	199.657,10	- Quyết định số 804/QĐ-BXD và 805/QĐ-BXD ngày 04/09/2012 v/v phê duyệt phương án xử lý, sắp xếp lại nhà, đất của Công ty Sứ Viglacera-TCT Viglacera tại tỉnh Bình Dương - Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CB 065680 ngày 31/8/2015, số CB 065660 ngày 31/8/2015, số CB 065679 ngày 31/8/2015, số 65672 ngày 31/8/2015 do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Bình Dương cấp	Nhà nước cho thuê đất trả tiền hàng năm, đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Tổng số diện tích theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 200.000 m2 trong đó 342,9 m2 đất thuộc hành lang an toàn đường bộ. Thời hạn đến tháng 6/2050	Đã hoàn thành nghĩa vụ tài chính	Trả tiền hạ tầng một lần cho cả thời gian thuê

STT	ĐỊA CHỈ LÔ ĐẤT	Đơn vị cấp/cho thuê đất	Diện tích đất được giao chủ đầu tư (m2)	Hồ sơ pháp lý	Hình thức/ Thời hạn SD đất	Tình hình thực hiện nghĩa vụ tài chính của lô đất	Ghi chú
27	Lô đất tại 340C/31 Hoàng Văn Thụ phường 4, quận Tân bình thành phố HCM	UBND TP Hồ Chí Minh	55,30	'Quyết định 3123/QĐ-UBND ngày 16 tháng 06 năm 2017 cho Tổng công ty Viglacera - CTCP thuê đất tại số 340C/31 đường Hoàng Văn Thụ, phường 4, quận Tân Bình. Mục đích sử dụng đất: văn phòng làm việc; thuê đất 50 năm kể từ ngày 22 tháng 7 năm 2014 trả tiền thuê đất hàng năm. Hợp đồng thuê đất số 9901/HĐ-STNMT-QLĐ ngày 15/10/2018	'Nhà nước cho thuê đất trả tiền hàng năm. Thời hạn: 50 năm từ ngày 22/7/2014 đến 22/7/2064. Đã ký Hợp đồng thuê đất	Thuê đất trả tiền hàng năm	Đất nhận chuyển nhượng QSD đất
28	Khu công nghiệp Mỹ Xuân A, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu		50.155m2	- Hợp đồng thuê lại đất tại Khu Công nghiệp Mỹ Xuân A số 40/TCT-ĐT ngày 21/7/2016 giữa Tổng Công ty IDICO - CTCP và Tổng Công ty Viglacera - CTCP và phụ lục cùng ngày	Đất thuê lại của Tổng Công ty IDICO - CTCP. Thời hạn từ ngày 21/7/2016 đến 08/7/2052.	Đã hoàn thành nghĩa vụ tài chính	Đất thuê của Tổng Công ty IDICO - CTCP
29	Dự án ĐTXD khu nhà ở xã hội tại ô đất ký hiệu CT3, CT4 thuộc Khu đô thị mới Kim Chung, huyện Đông Anh	UBND Thành phố Hà Nội	36.964,00	Quyết định số 7407/QĐ-UBND ngày 25/10/2017 về việc chấp thuận điều chỉnh chủ chương đầu tư dự án XD khu nhà ở xã hội tại ô đất CT3, CT4			Dự án liên danh giữa Tổng công ty Viglacera - CTCP và Tổng công ty

STT	ĐỊA CHỈ LÔ ĐẤT	Đơn vị cấp/cho thuê đất	Diện tích đất được giao chủ đầu tư (m ²)	Hồ sơ pháp lý	Hình thức/ Thời hạn SD đất	Tình hình thực hiện nghĩa vụ tài chính của lô đất	Ghi chú
							Handico tỷ lệ 50:50.
	Giao đất đợt 1		11.759,00	Quyết định số 5187/QĐ-UBND ngày 28/9/2018 của UBND T.P Hà Nội	Giao đất lâu dài, miễn tiền thuế đất	Đã hoàn thành nghĩa vụ tài chính	
			25.205,00	Chưa được giao			
30	Đầu tư xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật KCN Yên Phong II-C, tỉnh Bắc Ninh	Thủ tướng Chính phủ	212,22ha	- Quyết định 1139/QĐ-TTg ngày 11/9/2018 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chủ trương đầu tư dự án đầu tư xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật KCN Yên Phong II-C, tỉnh Bắc Ninh. Quy mô dự án 219,22 ha, vốn đầu tư 2.234 tỷ đồng, thời hạn thực hiện dự án 50 năm kể từ ngày quyết định chủ trương đầu tư.			
31	Dự án khu dịch vụ nhà ở KCN Đồng Văn IV (Dự án nhà ở xã hội)	UBND Tỉnh Hà nam	151.355,50	Quyết định số 1722/QĐ-UBND ngày 25/9/2018 của UBND tỉnh Hà Nam	Giao đất không thu tiền sử dụng đất	Đã hoàn thành nghĩa vụ tài chính	

Mục đích sử dụng của các lô đất trên đều nằm trong phạm vi hoạt động kinh doanh của Tổng công ty bao gồm nhà ở, khu đô thị, khu công nghiệp, các nhà máy sản xuất. Tất cả các lô đất đều không có tranh chấp pháp lý, kiện tụng.

8. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức có cổ phiếu được thoái vốn:

Không có

9. Các thông tin - các tranh chấp kiện tụng liên quan tới công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá cả cổ phiếu thoái vốn:

Không có

V. THÔNG TIN VỀ VIỆC TỔ CHỨC THỰC HIỆN CHUYỂN NHƯỢNG VỐN

1. Tên cổ phiếu:

Cổ phiếu Tổng công ty Viglacera – CTCP

2. Loại cổ phần:

Cổ phần phổ thông

3. Mệnh giá:

10.000 đồng/cổ phiếu

4. Tổng số cổ phần dự kiến chuyển nhượng:

80.579.262 cổ phiếu tương đương 17,97% tổng số cổ phần đã phát hành theo vốn thực góp trong vốn điều lệ).

5. Giá khởi điểm đấu giá:

Không thấp hơn 23.000 đồng/ cổ phần và trung bình giá tham chiếu 30 phiên giao dịch liên tiếp trước ngày công bố thông tin.

6. Phương pháp tính giá:

Mức giá khởi điểm bán đấu giá cổ phiếu Tổng công ty Viglacera – CTCP thuộc sở hữu của Bộ Xây dựng được tính dựa trên các căn cứ như sau:

(1) Căn cứ Hợp đồng tư vấn xác định giá trị doanh nghiệp và định giá cổ phần Tổng Công ty Viglacera – CTCP số 70/2018/HĐKT-ĐGCP/CPA VIETNAM ngày 29/01/2018 và phụ lục Hợp đồng số 74/2018/PLHĐKT-ĐGCP/CPA VIETNAM ngày 10/10/2018 giữa Tổng công ty Viglacera – CTCP và Công ty TNHH Kiểm toán CPA Việt Nam; Chứng thư thẩm định giá số 75/2019/CT-CPAVIETNAM ngày 14/01/2019 của Công ty TNHH Kiểm toán CPA Việt Nam (là đơn vị có chức năng thẩm định giá đã được Bộ Tài chính cấp phép), nhằm xác định giá cổ phiếu VGC để báo cáo Bộ Xây dựng quyết định mức giá khởi điểm bán đấu giá.

(2) Giá tham chiếu bình quân của 30 ngày giao dịch liên tiếp trên thị trường chứng khoán trước ngày công bố thông tin thực hiện bán cổ phần.

(3) Quyết định số 389/BXD-QLDN ngày 01/03/2019 của Bộ Xây dựng về việc thoái vốn cổ phần tại Tổng công ty Viglacera – CTCP trong đó thông qua mức giá khởi điểm bán đấu giá cổ phần Tổng công ty Viglacera – CTCP.

7. Phương thức chuyển nhượng vốn:

Bán đấu giá công khai thông thường tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

8. Tổ chức đấu giá:

Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Địa chỉ: số 2 Phan Chu Trinh, Hoàn Kiếm, Hà Nội

9. Thời gian thực hiện chuyển nhượng vốn:

6 tháng đầu năm 2019.

10. Thời gian đăng ký mua cổ phần dự kiến:

Được quy định tại Quy chế bán đấu giá cổ phần của Bộ Xây dựng tại Tổng công ty Viglacera – CTCP do Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội ban hành.

11. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài:

Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty Viglacera - CTCP hiện nay không quy định về giới hạn tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài đối với cổ phần của Tổng công ty Viglacera - CTCP.

Tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài được quy định tại Nghị định số 60/2015/NĐ-CP ngày 26/6/2015 của Thủ tướng Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 58/2012/NĐ-CP ngày 20/7/2012 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán và Thông tư số 123/2015/TT-BTC ngày 19/8/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn hoạt động đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam.

Theo đó, Tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài tối đa tại Tổng công ty Viglacera - CTCP là 49% vốn điều lệ.

12. Giá thanh toán tiền mua cổ phần

Giá thanh toán được xác định theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 29a được sửa đổi bổ sung tại khoản 13 Điều 1 Nghị định số 32/2018/NĐ-CP và điểm c khoản 1 Điều 38a Nghị định số 91/2015/NĐ-CP được sửa đổi bổ sung tại khoản 16 Điều 1 Nghị định số 32/2018/NĐ-CP, cụ thể như sau:

Trường hợp trong ngày mở cuộc đấu giá công khai mà giá giao dịch cổ phiếu của Tổng Công ty tính theo giá sàn cao hơn giá trúng đấu giá của nhà đầu tư thì nhà đầu tư phải thanh toán tiền mua cổ phần theo giá giao dịch là giá sàn của ngày mở cuộc đấu giá công khai;

Trường hợp trong ngày mở cuộc đấu giá công khai mà giá giao dịch tính theo giá sàn cổ phiếu của Tổng Công ty thấp hơn giá trúng đấu giá của nhà đầu tư thì nhà đầu tư thanh toán tiền mua cổ phần theo giá trúng đấu giá.

13. Các hạn chế liên quan đến việc chuyển nhượng vốn:

Không có

14. Các loại thuế có liên quan:

Bộ Xây dựng và các nhà đầu tư tham gia đấu giá kê khai và nộp thuế theo quy định của pháp luật hiện hành.

Thuế liên quan đến nhà đầu tư, cổ đông của Tổng công ty:

✚ Đối với nhà đầu tư cá nhân:

❖ Theo quy định tại Điều 3, Luật Thuế Thu nhập cá nhân số 26/2012/QH13, ban hành ngày 22/11/2012 và Điều 3, nghị định số 65/2013/NĐ-CP ban hành ngày 27/6/2013 của Chính phủ, các khoản thu nhập chịu thuế thu nhập cá nhân bao gồm: thu nhập từ đầu tư vốn (lợi tức, cổ tức) và thu nhập từ chuyển nhượng vốn (thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán). Mức thuế suất đối với từng loại như sau:

- Thuế suất đối với thu nhập từ đầu tư vốn (lợi tức, cổ tức) 5%
- Thuế suất đối với thu nhập từ chuyển nhượng vốn (thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán) được xác định như sau:
 - ✓ Trường hợp cá nhân chuyển nhượng chứng khoán đăng ký nộp thuế theo biểu thuế toàn phần với thuế suất 20% tính trên lãi chuyển nhượng.
 - ✓ Trường hợp người chuyển nhượng chứng khoán không đăng ký nộp thuế theo biểu phí toàn phần với thuế suất 20% thì áp dụng thuế suất 0,1% tính trên giá trị chuyển

nhượng chứng khoán từng lần và không phân biệt việc chuyển nhượng đang thực hiện tại Việt Nam hay tại nước ngoài.

- ✓ Cá nhân chuyển nhượng chứng khoán đã đăng ký nộp thuế theo thuế suất 20% vẫn phải tạm nộp thuế theo thuế suất 0,1% trên giá trị chuyển nhượng chứng khoán từng lần.

❖ **Kỳ tính thuế:**

- Kỳ tính thuế đối với cá nhân không cư trú được tính theo từng lần phát sinh thu nhập áp dụng đối với tất cả thu nhập chịu thuế.
- Kỳ tính thuế đối với cá nhân cư trú được quy định như sau: Kỳ tính thuế theo từng lần phát sinh thu nhập áp dụng đối với thu nhập từ đầu tư vốn; thu nhập từ chuyển nhượng vốn. Kỳ tính thuế theo từng lần chuyển nhượng hoặc theo năm đối với thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán.

✚ **Đối với nhà đầu tư tổ chức:**

- ❖ Nhà đầu tư là tổ chức đăng ký kinh doanh tại Việt Nam phải chịu một khoản thuế đóng trên phần chênh lệch giá khi bán cổ phiếu như sau:

Thuế thu nhập từ chênh lệch giá do bán cổ phiếu = Thu nhập chịu thuế x Thuế suất

Trong đó:

- Thu nhập chịu thuế = Tổng giá trị chứng khoán bán ra trong kỳ - Tổng giá mua chứng khoán được bán ra trong kỳ - Chi phí mua bán chứng khoán + Lãi trái phiếu từ việc nắm giữ trái phiếu.
- Thuế suất = Thuế suất thuế TNDN của tổ chức đầu tư

- ❖ Nhà đầu tư là tổ chức nước ngoài không có đăng ký kinh doanh tại Việt Nam, chỉ mở tài khoản giao dịch chứng khoán tại Việt Nam phải chịu một khoản thuế khoán khi bán cổ phiếu như sau:

Thuế khoán từ bán CP = 0,1% Tổng giá trị CP bán ra của từng giao dịch chuyển nhượng

15. Các thông tin khác theo quy định của pháp luật phải công khai khi thực hiện chuyển nhượng vốn:

Không có

VI. MỤC ĐÍCH CHUYỂN NHƯỢNG VỐN

- Phù hợp với chủ trương của Đảng, Nhà nước về việc đẩy mạnh đổi mới doanh nghiệp Nhà nước và tái cơ cấu vốn Nhà nước đầu tư vào doanh nghiệp khác theo Nghị quyết số 12/NQ-TW của BCH Trung ương Đảng khóa về tiếp tục cơ cấu lại, đổi mới và nâng cao hiệu quả doanh nghiệp nhà nước (DNNN); Quyết định số 58/2016/QĐ-TTg ngày 28 tháng 12 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về tiêu chí phân loại doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp có vốn nhà nước và danh mục doanh nghiệp nhà nước thực hiện sắp xếp giai đoạn 2016 – 2020 và Quyết định 1232/QĐ-TTg ngày 17/8/2017 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Danh mục doanh nghiệp có vốn nhà nước thực hiện thoái vốn giai đoạn 2017-2020;
- Việc thoái vốn Nhà nước tại Viglacera sẽ đem lại cho Ngân sách Nhà nước một nguồn

- vốn lớn để thực hiện đầu tư cho các dự án, ngành nghề khác;
- Khuyến khích sự tham gia của đông đảo nhà đầu tư; giúp cho thương hiệu, sản phẩm của Tổng Công ty được quảng bá rộng rãi qua nhiều kênh thông tin, truyền thông;
 - Thu hút nhà đầu tư có năng lực, kinh nghiệm tham gia hỗ trợ Tổng Công ty trong quản lý điều hành, nguồn lực tài chính, mở rộng thị trường, và phát triển công nghệ;
 - Tăng tính chủ động và linh hoạt trong quản lý điều hành cho doanh nghiệp;
 - Giúp Tổng công ty đáp ứng được các quy định của Luật đấu thầu trong việc đảm bảo tính độc lập về pháp lý và độc lập về tài chính, từ đó nâng cao năng lực và khả năng tham gia đấu thầu bán sản phẩm hàng hóa của Tổng công ty...

VII. CÁC TỔ CHỨC CÓ LIÊN QUAN ĐẾN CHUYỂN NHƯỢNG VỐN

1. Tổ chức là chủ sở hữu vốn chuyển nhượng

BỘ XÂY DỰNG

Trụ sở: Số 37 Lê Đại Hành, phường Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

Điện thoại: (84.24) 3976 0271

Fax: (84.24) 3976 2153

Website: www.xaydung.gov.vn

2. Tổ chức có cổ phiếu được chuyển nhượng

TỔNG CÔNG TY VIGLACERA - CTCP

Địa chỉ: Tầng 16 & 17, Tòa nhà Viglacera, Số 1 Đại lộ Thăng Long, phường Mỹ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

Điện thoại: (84.24) 3553 6660

Fax: (84.24) 3553 6671

Website: www.viglacera.com.vn

3. Tổ chức tư vấn

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN MB

Trụ sở chính: Tầng M-3-7, Số 3 Liễu Giai, phường Liễu Giai, quận Ba Đình, Hà Nội

Số Điện thoại: (84.24) 3726 2600

Fax: (84.24) 3726 2601

Website: www.mbs.com.vn

4. Tổ chức kiểm toán

CÔNG TY TNHH HĂNG KIỂM TOÁN AASC

Địa chỉ: Số 1 Lê Phụng Hiểu, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Số điện thoại: (84.24) 3824 1990

Fax: (84.24) 3825 3973

5. Tổ chức thẩm định giá

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIỆT NAM

Trụ sở chính: Tầng 8, VG Building, Số 235 Nguyễn Trãi, Thanh Xuân, Hà Nội

Số Điện thoại: (84.24) 39 969 343

Fax: (84.24) 3875 1482

VIII. BÁO CÁO CỦA CHỦ SỞ HỮU VỐN CHUYỂN NHƯỢNG VỀ NỘI DUNG THÔNG TIN TRONG BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN CÓ LIÊN QUAN ĐẾN CHỦ SỞ HỮU VỐN CHUYỂN NHƯỢNG

Tổng công ty Viglacera - CTCP đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản công bố thông tin này là hoàn toàn trung thực, phù hợp với thực tế, đầy đủ và cần thiết với người đầu tư có thể đánh giá về tài sản, hoạt động, tình hình tài chính, kết quả và triển vọng của Tổng Công ty.

Bản công bố thông tin này được Công ty cổ phần Chứng khoán MB xây dựng một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên cơ sở các thông tin do Tổng công ty Viglacera – CTCP cung cấp.

Các nhà đầu tư nên tham khảo Bản công bố thông tin trước khi quyết định mua cổ phần.

Các nhà đầu tư có trách nhiệm tìm hiểu thông tin, đánh giá các thông tin về doanh nghiệp và chịu trách nhiệm về quyết định đầu tư của mình.

IX. NGÀY THÁNG, CHỮ KÝ, ĐÓNG DẤU CỦA ĐẠI DIỆN CHỦ SỞ HỮU VỐN CHUYỂN NHƯỢNG

Hà Nội, ngày 01 tháng 03 năm 2019

**ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC THỰC HIỆN CHUYỂN NHƯỢNG VỐN
BỘ XÂY DỰNG**

**TỔ TRƯỞNG TỔ ĐẠI DIỆN PHẦN VỐN NHÀ NƯỚC
TỔNG GIÁM ĐỐC TỔNG CÔNG TY VIGLACERA - CTCP**



TỔNG GIÁM ĐỐC TỔNG CÔNG TY
Nguyễn Anh Tuấn

**ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC CÓ CỔ PHIẾU ĐƯỢC CHUYỂN NHƯỢNG
TỔNG CÔNG TY VIGLACERA - CTCP
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**



CHỦ TỊCH
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ TỔNG CÔNG TY
Luyện Công Minh

**ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC TƯ VẤN
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN MB
TUQ. TỔNG GIÁM ĐỐC**



GD KHỐI DỊCH VỤ NGÂN HÀNG ĐẦU TƯ
Phạm Luân Anh